

XUÂN VŨ

Con Người Vốn Quý Nhất



NO, September 6, 2017



VĂN KHOA

<http://tieulun.hopto.org>

VĂN KHOA

Xuất Bản & Phát Hành
9200 Bolsa Ave., Ste. 123
P.O.Box 2283
Westminster, California 92684 USA
Telephone: (714) 892-0801

ĐÃ XUẤT BẢN

HƯƠNG XUA

Tập ca khúc của Cung Tiến

TRĂM CÂU TỤC NGŨ

Bích chương 4 màu

CHÂN DUNG 15 NHÀ VĂN NHÀ THƠ V.N

của Mai Thảo (hết)

THÁNG BA GÂY SÚNG

Hồi ký của Cao Xuân Huy (hết)

SÂN KHẤU CUỘC ĐỜI

Tập truyện ngắn của Nguyễn Ngọc Ngạn

VIỆT NAM ĐẦU TRANH

Hoàng Tường

Tập Truyện LỖ TẮN

Mai Kim Ngọc dịch

TÂY TẠNG HUYỀN BÍ

Nguyễn Phong phỏng tác
theo nguyên tác của Lobsang

ĐÊM CHONG ĐÈN

Truyện dài của Hồ Trường An

LĂNG KÍNH ĐẠI THỪA

Biên khảo của Nghiêm Xuân Hồng

CON NGƯỜI VON QUÝ NHẤT

Tập truyện của Xuân Vũ

TA THẤY HÌNH TA NHỮNG MIẾU ĐÈN

Thơ Mai Thảo

Giá: Hoa Kỳ \$8.50

Các Nước Khác: US \$9.50

**Copyright © by Xuan Vu
All Rights Reserved
First Printing, April 1989
Printed in the United States of America**

XUÂN VŨ

CON NGƯỜI VỐN QUÝ NHẤT

Tập truyện xã hội chủ nghĩa

Văn Khoa Xuất Bản 1989

Cùng Một Tác Giả

Đường Đi Không Đền (giải Văn Học Nghệ Thuật Quốc Gia 1973) – Hồi ký

Xương Trắng Trường Sơn – Hồi ký

Đền Mà Không Đền – Hồi ký

Đồng Bằng Gai Gốc – Hồi ký

Mạng Người Lá Rụng – Hồi ký

Truyện Thăng Bầu – Truyện dài

Trắng Kia Chuta Xê – Truyện dài

Thầy Tư Cóc – Truyện dài

Những Độ Gà Nồi – Truyện dài

Cánh Bầu Rệp – Truyện dài

Vàng Mơ Bông Lúa – Truyện dài

Văn Nghệ Sĩ Miền Bắc Như Tôi Biết – Hồi ký

Kẻ sông sọt (Việt văn và Anh văn) – Tiểu thuyết

Khi Tên Tù Trở Thành Cai Ngục – Khảo luận

Thiên Đàng Treo – Tập truyện ngắn

Ông Lão Thối Bong Bóng – Tập truyện ngắn

Ngọc Vui – Tập truyện ngắn

Hội Xoàn Là Của Trời Cho – Tập truyện ngắn

Con Người Vốn Quý nhất – Tập truyện ngắn

Nửa Thế Kỷ Phạm Duy – Khảo luận

Ngon Rạch Bàng Lăng – Truyện dài

Ba Bức Tâm Thư – Thư

Mục Lục

1	Hạnh Ngộ Bọt Bèo	.1
2	Giang Khuất	.15
3	Bức Tranh Xã Hội	.32
4	Mười Đồn	.47
5	Con Người, Vốn Quý Nhất!	.63
6	Lại Vốn Quý Nhất	.78
7	“Đừng la, bác cho vô đảng!”	.94
8	Nắc Thang	.111
9	Bà Mẹ Hà-nội	.136
10	Bố Còi	.148

**Van Khoa Publishing House
9200 Bolsa Avenue, Suite 123
P.O. Box 2283
Westminster, CA 92684
(714) 892-0801**

Lời Giới Thiệu

Khi ĐƯỜNG ĐI KHÔNG ĐẾN, tác phẩm đoạt giải Văn Học Nghệ Thuật năm 73 được in ra, Xuân Vũ nghiêm nhiên là một bút hiệu có chỗ đứng riêng biệt trong văn chương.

Năm 89, với tập truyện ngắn “Con Người Vốn Quý Nhất” của ông, — nhà xuất bản Văn Khoa ấn hành, — độc giả sẽ thấy thêm tài năng ông, từ kỹ thuật dựng truyện ngắn, từ cảm nhận, cho đến óc quan sát của ông vẫn còn đầy tinh tế, bén nhạy trong nhiều chủ đề khác nhau. Ông là một trong số ít nhà văn viết với nhiều thể dạng trên văn đàn. Khi viết “Những Độ Gà Nồi”, bút hiệu Lê Mỹ Hương, ông tài hoa trong “hơi hướm của văn chương miền Nam”, hồn hậu, thanh thản mà lôi cuốn; khi với nhiều bút hiệu khác qua các bài nhận định, tham luận, thời sự giá trị... (điều hơi vắng thiếu trên văn đàn hải ngoại) ông sắc bén và đanh thép; khi viết những loạt hồi ký, kỷ niệm... với các văn nghệ sĩ miền Bắc, các bạn thân mến một thời, ông thương mến, xót xa...

Sinh trưởng ở miền Nam, khởi nghiệp viết ở miền Bắc, ông đã trở lại nơi chôn nhau cắt rốn và sinh hoạt văn nghệ tại miền Nam một thời gian ngắn. Rồi hải ngoại lưu vong, nhà văn Xuân Vũ như luôn luôn nhìn lại những cơn mộng dữ, những đòi đoạn, đòi mình, đòi người.

Chất liệu dồi dào, kinh nghiệm đặc dị của đời ông qua những thời điểm lịch sử, làm văn chương Xuân Vũ phong phú. Ông sinh hoạt với văn nghệ sĩ của cả hai miền lịch sử phân chia, chung những hui quạnh của đời sống lưu vong hải ngoại của những người tị nạn chính trị, ông luôn luôn mang niềm khắc khoải trước vận mệnh nước mẹ. Điều sau cùng này làm cho, — thay vì im lặng, sống lảng quên,... — ông tiếp tục mỗi phần nộ âm ý của ĐƯỜNG ĐI KHÔNG ĐẾN. *Sự ác một khi được nói ra, là bước đầu để đẩy lùi nó:* Ông là một trong những nhà văn có sức viết mạnh mẽ nhất của hải ngoại.

Văn tài, thuật dụng ngữ, tấm lòng một người cầm bút đích thực... bằng bạc trong từng giọng văn, từng truyện ngắn của ông.

Là một nhà văn có quần chúng, được bạn văn thương mến... vậy mà phải chằng trong đáy lòng, ông vẫn chưa ổn thỏa với chính mình, vì *có món nợ nào đó phải trả?* Qua các nhân vật, những hoàn cảnh, (mà ông từng chứng kiến, tự bản thân trải qua) đã được làm sống lại một cách linh động trong tác phẩm, Xuân Vũ âm thầm đưa ra những nỗi xót xa ngẫm cho người, cho mình, cho hoàn cảnh... tuy rằng với những tình tiết, qua nét diễn tả trong sáng tác của ông, Xuân Vũ như không hề cất tiếng phê phán riêng tư cá nhân, hầu bắt độc giả chia sẻ cảm quan với mình. Nhưng người đọc vẫn có thể dễ dàng thấy sự bùi ngùi, sự thê lương... đâu đó trong hoạt cảnh, trong diễn tiến tâm lý nhân vật của ông, ở những khung cảnh, ở những con người biến dạng..., chỉ sản sinh được ra từ một **chế độ quái dị đến thế**.

*

* *

Viết thêm về *thế giới văn chương Xuân Vũ*, không bằng đề độc giả tự thưởng thức nội dung tập truyện “Con Người Vốn Quý Nhất” này.

NO, September 6, 2017

Vũ Huy Quang

Tháng 3, 1989

Hạnh Ngô Bọt Bèo

NO, September 6, 2017

Đêm trùm... Trại tù như cái hũ nút kín bị ném xuống hầm sâu, trong đó ngọ nguậy một đám sinh vật đang thở hơi tàn. Ở ngoài đời chúng có tên có tuổi, có gia đình, có quê hương như mọi sinh vật trên mặt đất, nhưng từ khi vào đây chúng bị cắt đứt mọi liên hệ và không còn được biết gì khác ngoài cái tổ rách nát này, nơi mà chúng chắc chắn sẽ phải gởi thân cho đến ngày lìa đời.

Chúng bị nhốt đã lâu, năm năm, mười năm, chúng không còn nhớ. Tội gì, cũng không biết. Có lẽ vì một câu nói hớ hênh mà người ta qui là chống chế độ, hoặc vì biết quá nhiều chuyện “tốt đẹp” của chế độ, hoặc vì lý do gì khác nữa.

Một đồng lửa được nhóm lên giữa trại lá. Những bàn tay như những nhánh cây khô xò ra hơ trên ngọn lửa hắt hui, những bộ xương chen chúc bên nhau tìm hơi ấm, một thứ hơi ấm mong manh giữa cái lạnh dày đặc bao la.

— Đêm nay là đêm cuối cùng của đời tôi! — Một tiếng nói bất ngờ vang lên. Mọi người kinh ngạc nhìn người vừa thốt ra câu nói như một điều quái dị: tên tù câm! Sao bỗng nhiên hé miệng? Anh ta từ một trại nào được đưa tới đây khá lâu, nhưng không thấy anh ta nói năng gì. Bạn tù cứ cho anh ta câm và điếc. Về sinh lý và về tâm lý nó phải thế. Nếu nghe mà không nói được ắt điên. Phép thần nào đã khai khẩu cho anh ta? Nhưng tại sao vừa nói được lại trăn trối? Ở trại tù này lâu lâu lại xảy ra một cái chết êm ái, bất ngờ. Gần đây nhất, có trường hợp của một lão tù nhân. Ông ta ở tù từ tóc xanh đến tóc bạc. Ông là trung tá Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa bị bắt đầu ở trận Hạ Lào. Một đêm ông cụ ngủ rồi đi luôn, không một lời trăn trối.

Chết là một chuyện đã đành đối với tù nhân ở đây. Không chết thì còn có cái gì khác. Sống cũng là đang chết, chết dần đây. Nhưng phút lâm chung của lão tù nhân rất lạ lùng. Cụ nằm trên chiếc giường gỗ ọp ẹp, mắt không nhắm. Bàn tay đến vuốt, mắt vẫn mở trơ trơ như mắt người sống. Thấy thế, một người cúi xuống sát mặt vị sĩ quan và lầm thầm: “Xin trung tá hãy yên lòng, chúng tôi sẽ trả thù cho trung tá! Chúng tôi xin hứa!” Vừa nói vừa vuốt mặt người quá cố. Mi mắt đang mở to khô cứng, bỗng từ từ khép lại. Và máu từ hai bên khõe mép trào ra. Vong linh người chết như đã thỏa nguyện.

Đêm nay tại sao bỗng nhiên gã tù cảm thốt lên lời trần trời trong khi chưa có dấu hiệu nào báo rằng anh ta sắp về trời. Anh ta không còn trẻ nhưng cũng chưa già. Nghe anh ta nói, mọi người vừa kinh ngạc vừa sợ hãi. Câu nói ấy có thể đem tới tai họa cho cả trại. Không sớm thì muộn, tụi ăng-ten sẽ chạy tin về cho chúa ngục. Chúa ngục sẽ bắt tội cả trại đã che giấu bệnh cảm diếc giả của tên tù này lâu nay.

Sự thực, chính bọn cai tù đã nhiều lần cho xét nghiệm, nhưng đều đi đến kết quả là anh ta cảm diếc thật. Trước sự việc người cảm bật ra tiếng nói đêm nay, mọi người bàn cách đối phó, nhưng anh ta xua tay:

— Các bạn khỏi phải lo! Nếu có chuyện gì xảy ra, tôi nhận tất cả, không để ai bị liên lụy. Từ ngày tôi vào trại này tới nay, tôi chỉ là một thằng câm. Quán giáo cũng tin như vậy. Trời cho ta cái miệng để nói, nhưng tại sao tôi phải câm? — Gã tù nhân nói tiếp — Hồi đó, một lần ra Hà-nội chơi, tôi có nghe câu chuyện của một ông già đảng viên 30 tuổi đảng gốc Nam Kỳ, ở tù Hỏa Lò, đã tự móc mắt để khỏi phải nhìn cuộc đời trước mặt ông ta. Lúc đó nghe câu chuyện này tôi không tin. Nhưng vài năm sau, tôi lại tin. Do đó khi bị bỏ tù, nhân sau một vụ tôi bị tra tấn ác liệt tôi bèn giả câm luôn. Và người ta cũng tin rằng những cú đòn hiểm hóc đã làm tổn thương thần kinh nên tôi bị câm diếc. Tôi giả câm để khỏi phải nói những điều trái với lòng mình cũng như ông đảng viên kia không muốn nhìn thấy sự thực. Nhưng mặc dù ông ta không nhìn thấy, sự thực vẫn cứ tiếp diễn. Một trong muôn ngàn sự thực ấy, tôi cũng từng thấy, nhưng tôi không có [lạm/dám tự móc mắt](#)

mình để khỏi phải nhìn mà tôi chỉ giả câm để không phải nói ra. Nhưng đến nay thì cái bụng của tôi không thể chứa đựng sự thực ấy nữa. Tôi quyết định nói ra. Sự thực ấy, không những tôi chỉ trông thấy mà chính tôi đã nhúng tay vào. Chính vì tôi biết sự thực ấy mà tôi bị tù. Và sau khi kể chuyện này ra thì tôi phải chết. Tôi biết vậy, nhưng thà chết để được thanh thoi còn hơn sống mà lương tâm cứ day dứt hoài. Do đó mà tôi quyết định nói ra. Xin các bạn bỏ phí chút thì giờ ngồi nghe.

Tôi sinh ra trong một gia đình ngư dân, cho nên tôi ngồi ghe nháysống từ khi còn trong bụng mẹ. Lớn lên đi kháng chiến chống Pháp, nghề biển của tôi không có chỗ xài, nhưng khi tập kết ra Bắc bỗng nhiên lại đắc dụng. Khoảng năm 1960, tôi đang đào gốc lim để lập nông trường Lam Sơn thì được lệnh gọi đi công tác đặc biệt. Công tác đó là đi tàu biển. Nhưng không phải tàu dân dụng mà là tàu chở vũ khí vô Nam.

Trong kháng chiến, tôi giữ chức đại đội phó 5 năm. Ra Bắc tôi cũng còn dầm chân tại chức cho đến khi cởi áo lính ra cuộc đất. Nhưng khi được gọi đi công tác đặc biệt thì cấp trên nói miệng thăng cho tôi cấp trung úy. Vì nói miệng cho nên không có quân hàm và khi xuống tàu thì tôi chỉ huy có non một tiểu đội. Những người này cũng gốc dân Nam Kỳ nhưng tôi không quen. Cấp trên bảo là công tác tuyệt mật, cho nên tất cả đều đổi tên, sửa cả mặt mũi tóc tai để rủi bị Sài-gòn bắt thì không tìm ra gốc gác.

Tàu của tôi không mang số. Đó là một chiếc tàu đổ bộ, loại há mồm của Pháp bỏ lại ở Hải Phòng sau 54 được sửa chữa sơn phết y như cũ rồi đem về đậu ngoài khơi Sầm Sơn để ăn hàng từ các thuyền đánh cá-buồm cánh dơi. Mỗi chuyến công tác mất vài tháng. Vì tàu nhỏ nhưng lại hành trình viễn dương, nên chỉ xuất hành vào mùa thuận gió, ít giông bão. Mỗi năm chỉ đi được hai chuyến. Cùng loại công tác này có vài tàu nữa, nhưng nguyên tắc bảo mật là không ai được quyền hỏi chuyện gì ngoài phạm vi công tác của mình và không được nói với ai việc làm của mình. Tuy vậy, tôi vẫn biết có vài thằng bạn ra đi rồi không bao giờ tôi còn gặp lại nữa.

Công tác thật là mạo hiểm, rồi bèn là cứ kể như năm ăn năm thua. Lúc tôi bé cha tôi thường nói: hành thuyền ky mã tam phân

mạng. Đi thuyền và cưỡi ngựa, mạng sống chỉ còn một phần ba. Nhưng trước kia, vì sự sống của gia đình và bây giờ vì giải phóng miền Nam nên phải đi. Một chiếc tàu cũng xuất phát từ Sầm Sơn, chạy vào Nam, theo tôi nghe lỏm, vừa đến hải phận Nam Bộ thì bị máy bay theo dõi, nên vừa cập bờ phản lực đến đội bom tan tành. Những nguy hiểm, những lần chết hụt nói không hết được, nhưng tôi không thể kể đông dài, vậy nên xin các bạn chỉ nghe, đừng hỏi gì cả.

...Lần đó, sau một chuyến đi thành công, thủy thủ đoàn được lên bờ thoải mái một thời gian vô định, nghĩa là có thể một tháng, một tuần hay một ngày, nhưng đi đâu phải cho thuyền trưởng biết để khi cần sẽ gọi.

Đêm đó tôi đang nhậu dưới ghe đánh cá của nông trường đậu ở cửa biển Sông Mã thì được lệnh gọi phải về tàu gấp. Tôi bảo mấy thằng bạn kéo buồm chạy ra tàu. Tôi vẫn nhậu cho đến lúc ghe cập vào tàu. Tôi bảo nhỏ chúng nó: "Nếu ba tháng chúng bay không thấy tao trở lại thì một là tao đã đi tàu lặn về Sài-gòn, hai là tao đang mò ... cua!" Tôi vừa leo qua tàu thì thuyền trưởng gọi cả thủy thủ đoàn lên buồng lái để truyền lệnh công tác. Ông ta là người Quảng Nam. Phải nói đó là một con kinh ngư gan ruột cùng mình. Nhiều lần thấy cái chết trong đường tơ kẽ tóc, nhờ tài trí của ông mà chúng tôi vượt chết. Ông ta là lính thủy của Pháp. Ra Bắc anh được đi Trung Quốc tu nghiệp hai năm. Thuyền trưởng cho biết là kỳ này công tác đặc biệt hơn những kỳ trước. Vấn đề bảo mật càng gắt gao hơn bội phần. Nếu ai tiết lộ sẽ bị tử hình! Tử hình! Ghê quá!

Dưới ánh đèn tờ mờ trong ca bin, chúng tôi nhìn nhau mà rợn tóc gáy. Tôi vô đảng rất sớm. Lúc này tôi đã trên 10 tuổi rồi. Tôi đã học tập điều lệ đảng trong đó có chương kỷ luật sắt, nhưng không có khoản nào nói án tử hình cho đảng viên.

Ngoài ra thuyền trưởng còn giao cho mỗi đứa một lọ con bằng ngón tay trong đó đựng những viên thuốc xám, dặn hễ đựng trường hợp lâm nguy thì bỏ vào mồm nuốt chửng để giữ bí mật công tác. Thuốc này tôi lén giữ tới bây giờ.

Mặc dù vậy, khi nghe thuyền trưởng tuyên bố, tôi vẫn tin là sự thực chứ không phải do ông ta bịa. Ai mà dám bịa ra cái chuyện tử hình! Trong đời làm đảng viên của tôi, tôi đã từng biết nhiều đồng chí cao cấp phạm kỷ luật rất nặng, nhưng không hề bị suy suyền mấy lông. Dường như các ông ấy đứng trên kỷ luật. Ngược lại, đảng viên quen, cũng phạm lỗi ấy, thậm chí nhẹ hơn, cũng bị mang ra thi hành kỷ luật nặng nề.

Công tác đặc biệt mà thuyền trưởng vừa nói, là “chuyển thương binh ra tàu Liên Xô đang đậu ngoài khơi”. À ra thế! Tôi nghĩ. (Lúc đó chiến tranh đã lan ra Bắc bằng những cuộc leo thang của Không Quân Mỹ. Bây giờ thương binh được may mắn hơn. Không giống như hồi kháng chiến Nam Bộ, thương binh bị cưa chân tay bằng cưa thợ mộc và không chụp thuốc mê.) Chiến sĩ ta sẽ hăng hái xông pha bom đạn và yên lòng khi bị thương tật.

Đêm hôm đó những thùng súng đạn được chuyển bằng thuyền nan ra tàu trước. Rồi sau đó là những thương binh. Toàn thương binh nặng. Thoạt trông thấy họ, tôi đã nghĩ ngay, các đồng chí này sẽ được chữa trị trên tàu Liên Xô đây. Đảng và chính phủ chu đáo quá. Nhiều người quán băng khắp người chỉ lòi hai bàn chân; một người ló ra có cái chóp mũi, tựa hồ như những con người bằng tuyết. Họ nằm im, chỉ thoi thóp. Vài người rên triền miên. Một người gắng gượng giơ tay: “Làm ơn cho xin miếng nước”. Một người kêu: “Cháu đau quá Bác Hồ ơi”.

Tất cả đều được đặt nằm trên các thùng đạn hoặc để lẳng khang dưới sàn tàu. Khi tàu nhỏ neo dây xích cuộn rầm rầm, thì một người kêu lên hốt hoảng và lăn từ trên đồng thùng đạn rớt xuống sàn tàu: “Ài chở tôi đi đâu?” Tôi lập lại lời thuyền trưởng: “Đồng chí sẽ ra nằm chữa trị trên tàu Liên Xô! Cứ yên trí chốc nữa sẽ tới.”

Tàu mở máy lớn chạy nhanh dần. Sóng xô làm cho thương binh lăn lóc vì không có ràng buộc chi cả. Nhiều người bị văng từ trên thùng đạn xuống người dưới sàn, những người nằm bìa bị va vào thành tàu đau đớn, kêu la thảm thiết. Tôi tự hỏi: chuyển thương binh đi đường xa trắc trở thì ít nhất phải có y tá hộ tống, chớ bỏ con người ta như thế này, ra tới tàu Liên Xô, bình một tăng

mười và sẽ có người chết dọc đường. Xót xa, nhưng tôi đành bó tay trước tình trạng bi thảm đó.

Tàu càng chạy nhanh, nước càng trào lên ở sau lái và cuốn hút vào trong hầm. Chẳng bao lâu, không còn thương binh nào nằm trên hòm đạn nữa. Tất cả đều lăn xuống sàn và sàn tàu đã xấp nước biển, nước biển chứ không phải nước ngọt, chẳng khác nào những con cá tróc vảy bị ngâm trong nước muối. Thủy thủ đoàn cũng đã ướt mềm như chuột lột. Tự thấy đứng đó cũng không làm gì được, nên kẻ thì chui lên buồng lái đưa lại rút xuống hầm máy kiểm chỗ dựa lưng và ngủ gà ngủ gật.

Tôi đã bị thương vừa nặng vừa nhẹ năm lần nên tôi biết tình trạng của người chiến thương. Một cái dụng giường khe cũng đủ làm đau thốn tới óc, nữa là tàu nhảy sóng giữa đại dương. Ngồi trong phòng kín mà tôi còn nghe tiếng gào rú của thương binh xuyên qua tiếng sóng và tiếng máy âm ỉ. Người thương binh kêu bác Hồ lúc này bây giờ vẫn lặp lại những tiếng ấy, nhưng gào to hơn “Cháu đau quá bác Hồ ơi!” Còn những người khác thì la khan hoặc vắng tục. Đêm tối mịt mùng, biển sâu hun hút. Bỗng nhiên thủy thủ đoàn được lệnh thuyền trưởng trở xuống sàn tàu. Tôi mừng quá trời vì nghĩ rằng gần tới tàu Liên Xô. Tôi hét to: “Ráng chút đi các đồng chí!” Khi chúng tôi xuống cả ở sàn tàu thì thuyền trưởng mở chiếc cửa sổ tròn ở sau lưng buồng lái và nói vọng xuống:

– Quảng tất cả xuống biển!

Tôi đang đứng gần cửa sổ, tôi nghe rõ từng tiếng, nhưng tôi không hiểu gì cả. Các thủy thủ khác cơ hồ cũng như tôi nên không ai nhúc nhích. Thì tiếng thuyền trưởng lại vang lên, xuyên cả tiếng sóng:

– Quảng chúng nó xuống biển!

À, lần này tôi mới hiểu ra. Chúng nó đây là thương binh, chứ chẳng lẽ ông ta gọi những đạn là chúng nó? Tuy vậy tôi vẫn ngửa mặt lên hỏi:

– Quảng cái gì hả?

– Quảng tất cả thương binh xuống biển! Cãi lệnh, tử hình!

Không còn ai có thể hiểu lắm được nữa. Đâu có chữ nào khó mà phải hiểu lắm. Chúng tôi như những cái máy trong tay người khác. Nghe tôi kể chắc các bạn cho tôi đã bịa đặt chuyện này. Nhưng tôi đâu có đủ trí óc dựng đứng lên một cái cảnh tàn bạo lạ đời như vậy. Chính tôi, ngày nay mỗi khi nhớ lại tôi cũng tưởng đó là một cơn ác mộng. Nhưng không! Tôi đã làm việc đó! Chính tôi! Mà không phải một lần.

Bây giờ ngồi ở đây mà tôi như còn nghe tiếng kêu gào của đồng đội trước khi bị ném xuống biển. Tôi như thấy trong đầu bọt sóng trắng xóa phủ lấp những hình hài sau lái tàu như vệt khăn tang trải dài cuộn cuộn giữa biển đen.

Từ đó, tôi luôn luôn bị ám ảnh bằng một câu hỏi: Đảng Bác nhân tâm đến thế sao? Thì sự thực đã sờ sờ ra đó rồi, còn phải thắc mắc gì! Đã đành là sự thực, nhưng tôi vẫn cứ băn khoăn.

Sau lần đầu “chở thương binh ra tàu Liên Xô” đó, trở lại Sầm Sơn, chúng tôi bị “nhốt” trong một khu vực cấm ở Thanh Hóa như một thứ tù. Mục đích của cấp trên là để chúng tôi không có dịp tiết lộ với ai về việc ném thương binh xuống biển. Hằng ngày chúng tôi nhìn nhau, mặt mũi đứa nào cũng thất sắc, như nói với nhau: Rồi sẽ đến phiên mình ra tàu Liên Xô!

Họ là ai? Chắc chắn đó là những chiến sĩ pháo binh đã anh dũng chiến đấu chống những cuộc oanh kích của Mỹ, những anh hùng quân đội. Thiết là mĩa mai cho những hi sinh của họ. Và cũng thiết là hài hước khi đảng và bác tuyên dương những chiến sĩ Ngô Mây, Phan Đình Giót, Bế Văn Đàn, Tô Vĩnh Diện v.v... Có phải đó là những anh hùng thật sự hay đó chỉ là một sự bịa đặt? Kể từ sau chuyến tàu đặc biệt đầu tiên đó tôi nghe có cái gì vỡ ra trong lòng. Tiếng của mấy chục thương binh gào thét khi chúng tôi khiêng họ lên thành tàu để xô xuống biển cứ văng vẳng mãi bên tai không ngớt: “Tại sao các đồng chí ném tôi xuống biển?” Có ai hay tiếng kêu xé ruột xé gan giữa trùng dương trong đêm và sự dấy dựa tuyệt vọng của những con người bị vứt bỏ như rác sau khi đã hi sinh xương máu cho cách mạng? Tiếng “đồng chí” họ vừa thốt lên ở cửa miệng họ có phải là tiếng “đồng chí” nào khác đã đổi màu thay nghĩa đi rồi? Tôi nhớ trong kháng chiến, có những

chiến sĩ ôm bọc phá xông vào đồn giặc, trước phút hi sinh đã cất tiếng hô “HỒ CHÍ MINH muôn năm”, có những chiến sĩ anh dũng bị thương lên bàn giải phẫu không thuốc tê, miệng luôn rên rĩ: “Cháu đau lắm bác Hồ ơi!” Bác Hồ thời kháng chiến với bác Hồ ở Hà-nội bây giờ là một hay hai? Bây giờ cũng những chiến sĩ đó nhưng trước khi chết, họ không hô như trước nữa mà họ gào lên “ĐM. bác, bác Hồ ơi!” Con chim trước khi chết kêu tiếng bị thương, con người trước khi lìa đời thốt nên lời chân thật. Đó là lời tự đáy lòng của họ trước khi bị chôn sống. — Quăng tất cả xuống biển! — Tiếng thét từ chiếc cửa sổ tròn sau buồng lái lâu lâu lại dội lên trong trí tôi. — Quăng tất cả xuống biển, cái lệnh tử hình! — Và cái gương mặt không râu với đôi mắt sâu hóm của thuyền trưởng bỗng hóa thành gương mặt lão già mắt như sao, râu hơi dài.

Sau chuyến đó, chúng tôi đi thêm nhiều chuyến nữa. Công tác càng ngày càng đặc biệt theo nhịp độ chiến tranh ác liệt của hai miền. Cứ mỗi lần cập bờ biển Nam Bộ trút hết các thùng súng đạn, chúng tôi lại nhận những thương binh giải phóng. Những thương binh này được giải thích rằng “các đồng chí sẽ ra miền Bắc điều trị”. Họ đâu biết được chuyến ra Bắc của họ cũng như chuyến ra tàu Liên Xô của đồng đội họ ở Sầm Sơn. Hai miền Nam Bắc thi đua đánh Mỹ giỏi sẽ gặp nhau dưới đáy đại dương.

Trong các chuyến đặc biệt ấy, có một chuyến vô cùng đặc biệt, đặc biệt hơn nữa là vì cái sân tàu trở thành sân khấu cho thảm kịch của chính bản thân tôi. Chuyến đó, tàu đi từ Bắc vào Nam, cũng chở súng đạn và thương binh, nhưng có phần khác thường vì sự di chuyển chậm chạp của đoàn thuyền nan. Thay vì tàu nhỏ neo ra khơi vào nửa đêm thì lại rời bến vào hừng đông. Trong đêm tối, hoạt cảnh quăng thương binh xuống biển, tuy cũng bị thảm, nhưng có những sự mập mờ, còn lần này giữa thanh thiên bạch nhật thì tất cả đều trần trụi, từ hình thù thương binh đến nét mặt của thủy thủ, thuyền trưởng, và bộ mặt ghê tởm của bọn chỉ huy không có mặt trên tàu.

Trong số thương binh, có một người còn khỏe. Khi trông thấy chúng tôi lần lượt ném đồng đội xuống biển thì anh ta vùng dậy và cố bò lê trên sàn tàu lênh láng nước biển. Anh ta gào lên: “Bọn khốn nạn đã lừa tao!” và lùi vào một góc để chống cự. Bọn tôi phải

vắt vả mới đưa anh ta lên được trên thành tàu, nhưng tay anh ta thoi lìa, chân anh ta quặp vào thành tàu. Hai đứa kềm, một đứa gỡ chân, một đứa xô anh ta mới rơi xuống biển. Anh ta là người duy nhất chống cự và là người chúng tôi ném xuống biển khó khăn nhất trong các chuyến.

Tàu lắc ngã nghiêng, mỗi người phải cần đến bốn chân mới đi vững trong khi tay luôn luôn vịn thành tàu, nên ai cũng chỉ sử dụng được có một tay. Do đó phải mất cả buổi trời mới quãng hết mấy chục con người ta.

Sàn tàu xấp nước biển pha máu, máu từ những vết thương tuột băng tóc ra, trong đó bập bềnh những mớ bông băng đỏ loét như những cánh hoa máu tanh tươi. Xong xuôi công việc định tìm chỗ thay quần áo và nghỉ ngơi, nhưng bỗng tôi nghe từ giữa hai chiếc thùng gỗ thông to nhói lên một tiếng kêu: “Anh Tư!” Tôi giật mình vì bị gọi trúng thứ một cách bất ngờ. Cái thứ tư ấy từ ngày ra Bắc tới nay chỉ được dùng có một lần. Lần đó là lần tôi và thằng em cô cậu của tôi gặp nhau. Nay bỗng có ai gọi? Tôi vịn vách tàu lần tới thì thấy một đồng băng trắng bộp nằm trong kẹt. Tàu lắc nên dây ràng đứt, những chiếc thùng chạy xà đưa và anh thương binh kia đã lăn xuống kẽ giữa hai chiếc thùng. Anh thương binh lại kêu: “Anh Tư!” nhưng lần này thì nghẹn ngào.

Giọng lạ mà người cũng lạ. Cái đầu quấn băng như khăn tang và cổ cũng băng kín. Gương mặt thì sưng phù. Anh ta cố nói rõ: “Em là con cô Tám!” Tôi nhảy dựng lên như tàu bị chúi vào đuôi sóng. Tôi kêu lên: “Trời ơi, mày hả...”

Nó là con cô ruột tôi. Cha tôi thứ sáu, má nó thứ tám. Cả hai anh em đi kháng chiến. Chính tôi dắt nó đi vô bộ đội của tôi để làm liên lạc. Dượng tôi hi sinh trong kháng chiến mà nó lại là con một. Khi có lệnh tập kết, cô tôi không cho nó đi, bắt nó ở nhà cưới vợ để có cháu nối dòng, nhưng nó bảo, chỉ đi hai năm về, rồi cãi lời mẹ mà đi. Nếu không đi thì đầu đã ra thân thể đó.

Ra Bắc hai anh em ở khác đơn vị, nó khỏe mạnh nên được cho đi công binh, còn tôi bị thương nhiều nên yếu, thì ra nông binh. Chỉ gặp nhau có một lần. Và lần này nữa là hết.

Tâm thần rối loạn, tôi không biết phải làm gì. Các “chuyên gia quăng” cũng vừa tới và giục tôi mau chóng hoàn thành nhiệm vụ. Tôi khẩn khoản để cho tôi năn nỉ thuyền trưởng cứu em tôi. Vừa đến đó thì có tiếng kêu: “Mỹ, Mỹ!” Từ sáng đến giờ tôi mãi lo quăng mà không chú ý cái đồng hồ cao và dài phủ bằng một lá buồm cánh dơi màu nâu. Bây giờ vỡ nhẽ ra đó là ba thằng Mỹ. Chúng bị ràng thành gói bằng những nược dây thừng như những đòn bánh tét khổng lồ. Chúng còn sống cả. Một tên há mồm ngáp ngáp như đòi ăn, một tên nhắm mắt nhưng ngực còn hơi hóp, còn một tên thì bất động.

Chắc đây là những tên giặc lái bị bắn rơi ở Quảng Bình Nghệ An là vùng Mỹ đang leo thang, hiện đang mấp mé đến Thanh Hóa.

Tôi để đưa em nằm đó và đến tiếp tay thanh toán mấy thằng Mỹ. Một đứa trong bọn tôi vừa lôi chân thằng nằm bìa thì hấn vùng ngồi dậy hét, trợn mắt và nói những tiếng man rợ nghe vô cùng khủng khiếp. Nếu hấn không bị bó giò chắc sẽ xảy ra một trận tử chiến giữa hấn và chúng tôi. Một thủy thủ quơ được cái bù lon rơi nện liên tiếp vào đầu hấn. Hấn ngã ra và rống ồ ồ. Anh thủy thủ sẵn trợn nện tiếp luôn hai tên kia. Nhờ vậy không còn sự chống cự tối thiểu nào nữa. Nhưng chúng to xác quá! Tất cả chúng tôi, đứa lôi tay, đứa nắm chân kéo chúng ra sau lái tàu và ỉ ạch mãi mới ném được ba tên xuống biển.

Xong rồi trở lại thằng em tôi. Nó vẫn còn nằm đó, mắt mở trừng trừng như chờ đợi số mạng chụp xuống đầu. Tôi đến chiếc cửa sổ tròn thò mồm vào kêu: “Thuyền trưởng, thuyền trưởng!” Như đã biết câu chuyện của hai anh em tôi từ lúc hai đứa vừa hạnh ngộ, ông ta quát: “Quăng cả xuống biển, cái lệnh tử hình!” Đó là cái thiệt của ông ta lúc nào cũng phun ra đúng với mấy chữ đó. Không có gì khác.

Tôi mếu máo nói hết ra tiếng: “Nó là em tôi! Nó là chiến sĩ thi đua ba năm liền. Bố nó hi sinh. Nó là con một...” Không biết ông ta có nghe lời cầu khẩn của tôi không nhưng ông vẫn quát: “Quăng tất cả xuống biển, cái lệnh...” Tôi móc cái hộp quẹt thò vào cửa sổ quát trả: “Tao cho một mũi lửa, nổ tung cả tàu.” Một người đứng sau lưng tôi bồi thêm nhát nữa — “Nếu là em của thuyền trưởng,

thuyền trưởng có quăng không? Giết thương binh đã là dã man rồi! Đây đâu phải cái cách ruộng đất mà con-tổ cha, anh giết em!”

Có lẽ ông ta đã nhận thấy sự phản ứng của thủy thủ đoàn, đặc biệt là của riêng tôi, nên dịu giọng: “Đây là lệnh của ở trên! Tôi cũng như các đồng chí. Chúng ta là cấp dưới. Không khéo tất cả chúng ta bị tử hình!”

Tôi quát: “Tôi nhất định không để thằng nào quăng em tôi xuống biển. Đây là một hành động thú vật!” Từ chuyến đi đầu tiên quăng người thương binh thứ nhất xuống biển tôi đã định phản đối, nhưng không biết có ai hậu thuẫn cho mình không, nên sợ hành động đơn độc chỉ chuốc họa vào thân. Sau chuyến đó, về bến tôi định đập bệnh xin nghỉ công tác, nhưng không thể. Khi đã làm những việc bí hiểm như vậy rồi thì cứ dính vào mãi không gỡ ra được, tôi đành phải nhắm mắt đưa chân đi hết chuyến này sang chuyến khác. Bao nhiêu bất bình trong lòng bị đè nén như hơi bị ép, bây giờ bật lên. Lại có tiếng nói đồng tình. Mà dù thủy thủ không đồng tình, tôi cũng liều chết, chứ không thể để cho giọt máu chung dòng với tôi bị phỉ uổng vô lối. Ông thuyền trưởng có lẽ cũng cảm thấy như chúng tôi, nhưng ông là cây đinh đặt dưới búa nên phải khuất phục. Ông ta nói: “Thôi được, tôi để cho em đồng chí sống. Nhưng đồng chí phải nhận với tôi hai điều kiện, một là đồng chí phải thuyết phục các đồng chí thủy thủ đoàn tuyệt đối giữ bí mật, hai là khi tàu đến miền Nam đồng chí tự lo lấy mọi việc và nếu có đổ bể ra thì đồng chí phải nhận là đồng chí đã qua mặt tôi mà làm việc đó, tôi không biết gì hết!”

Tôi nhận cả. Đến đâu hay đến đó. Vậy là trong bao nhiêu chuyến chỉ có mình thằng em tôi sống sót. Nhưng nó cũng gần chết rồi. Tôi nhờ anh em khiêng nó vào phòng của thủy thủ đoàn. Gian phòng chật hẹp, bông băng hôi thối nồng nặc nên không ai vào nghỉ ngơi trong đó nữa. Chỉ có mình hai anh em tôi. Tôi lấy vải sạch và moi một thùng bông băng trong mớ hàng mà chúng tôi chở vào Nam và lén giữ lại một thùng phòng khi hữu sự. Nhờ mớ bông băng đó mà vết thương hết chảy máu. Ngoài ra không có thuốc men gì khác hơn túi thuốc cá nhân của tôi. Ngày đầu tiên tôi khuấy sữa bột Liên Xô cho nó uống, mớ sữa này

chỉ được dùng khi hết gạo. Nó khá lên thấy rõ, nhưng vết thương quá nặng, hai bàn chân đã bị cưa mất, một tay cụt đến sát nách còn tay kia thì chỉ còn có cái cùi. Nó có sống thì đảng bác cũng nuôi báo cô măn đời. Vậy nên người ta vứt nó cho nhẹ gánh. Những lúc sống lặng gió êm, nó khỏe lại, nó u ơ muốn nói chuyện. Nhưng tôi xua tay bảo im. Có lẽ nó đã nhìn thấy những người cùng đi với nó được bác đảng đối xử như thế nào vào giờ phút cuối, nên thỉnh thoảng tôi thấy mắt nó long lanh, răng cắn chặt, đôi khi lại thấy nước mắt trào ra. Chắc nó hận lắm và chắc nó ăn năn vì đã cãi lời cô tôi mà đi tập kết.

Vài tuần sau, tàu cập bến. Gian nan vô tả. Những người trên ven rừng đem xuống con đến tàu và chờ nó đi vào rừng trước nhất. Ông thuyền trưởng nói với người trưởng toán nhận hàng rằng đây là một anh hùng quân đội... rằng miền Bắc không có phương tiện chữa trị. Lý lẽ ông ta đưa ra rất trái tai, nhưng viên toán trưởng gật đầu lia lịa nhận lệnh một cách nhanh chóng. Anh ta đâu biết rằng tôi chính là người đã “chở thương binh ra miền Bắc điều trị” nhiều lần. Anh ta còn nói với tôi: “Khi quân y trị xong, tôi sẽ mời gia đình tới thăm!” Thiệt là vô lý! Lúc muốn cứu thì cứu cho bằng được, nhưng cứu xong lại ném nó vào một tình huống cũng hiểm nghèo như trước. Nghĩa là người ta sẽ chẳng chữa trị gì hết, cứ để nó sống như thế, chờ một chuyến tàu khác đến sẽ gởi nó ra Bắc điều trị... Hóa ra tưởng đã cứu được nó chẳng ngờ tôi chỉ kéo dài thời gian hấp hối của nó mà thôi. Nhưng may mắn cho nó! Thay vì bị chính anh mình quăng xuống biển thì nó lại được một người đứng ném thay anh. Chuyến đó, tàu quay đầu ra Bắc không mang theo một giải phóng quân nào. Không hiểu vì không có giải phóng quân cần đi Bắc điều trị hay vì lý do gì khác.

Trên con tàu nhẩy sóng bập bênh, tôi nằm thiêm thiếp. Những lúc tỉnh dậy tôi đâm ra sợ hãi, sợ thuyền trưởng ra lệnh ném tôi xuống biển. Thiệt là oái oăm! Cứu sống mạng người, đã không mừng thì chớ, lại sợ, sợ đủ thứ. Một ý nghĩ đến an ủi tôi. Biết đâu việc này sẽ soi sáng được những cái đầu vô lương.

Nhiều đêm nằm ngó qua cửa sổ thấy những ngôi sao trên trời chớp chớp, tôi cứ nghĩ đó là linh hồn của những chiến sĩ vừa bị vùi chôn dưới lòng biển cả và tiếng sóng ỉ ầm bên mạn tàu là tiếng gào.

đòi mạng-triền miên. Tôi hoảng sợ, có lần tôi bảo anh em thủy thủ đoàn: “Chắc sớm muộn gì chúng mình cũng phải đền mạng. Chúng mình là những tên sát nhân có môn bài, có khi lại còn được bằng khen hoặc huân chương!”

Khi tàu vừa bỏ neo ở Sầm Sơn thì một chiếc ca-nô biên phòng cập lại. Năm thằng công an leo qua tàu không nói không rằng nửa tiếng, chìa súng và công tay tất cả thủy thủ đoàn, kể cả thuyền trưởng, khóa ca bin tàu, niêm phong, rồi lừa chúng tôi sang ca-nô chở vào bờ. Ở đó đã chờ sẵn hai chiếc xe cây. Chúng tôi bị tổng lên thùng xe phủ vải bít bùng và đưa thẳng về thị xã Thanh Hóa. Ở đây chúng tôi bị tách riêng ra và mỗi người đi mỗi hướng, không ai còn gặp ai nữa, cho tới bây giờ.

Trong lúc xuống xe ở thị xã, tôi chỉ có được một dịp nhìn ông thuyền trưởng. Ông cũng nhìn tôi với đôi mắt buồn thảm như muốn nói: “Mày thấy chưa, tao đã báo cái lệnh là tử hình mà!”

Bây giờ tôi mới nhận ra sự ngây thơ của mình. Chế độ này sống là nhờ công an. Công an được cài khắp nơi, ngay cả trong lòng cơ quan. Chẳng những theo dõi địch mà còn theo dõi cả nội bộ. Dưới tàu làm gì không có vài ba tên. Sau khi vào tù, nằm ngấm nghĩ, tôi có thể xác định được hai tên, tên thủ diện đài và một tên trong thủy thủ đoàn, cái tên đã đập đầu thương binh Mỹ bằng búa lon.

Thời thế là hết.

Tôi được đưa thẳng lên vùng Tây Bắc, tổng vào một trại tù. Ở đây toàn là tù nhân chính trị, nghĩa là những người mưu tính lật đổ chế độ hoặc nói hớ một vài câu gì đó mà công an suy luận ra là có tính chất chống chế độ. Tôi bị tra tấn liên miên. Người ta bắt tôi trả lời chỉ một câu hỏi: “Ai xúi giục mày cứu thương binh?” Tôi trả lời rằng chẳng có ai xúi giục mà vì nó là em họ của tôi, tôi không nỡ quăng nó xuống biển.

Họ không tin và bắt tôi phải khai ra cho bằng được cái kẻ xúi giục. Cố nhiên là tôi không thể khai, cho nên tôi bị đòn ác liệt. Một lần bị đánh ngất đi, khi tỉnh dậy tôi bèn nghĩ kế giả câm. Câm quách cho xong!

Và kẻ ấy đã giúp tôi sống yên ổn cho đến bây giờ. Nhưng thực ra thì sự yên ổn chỉ ở bề ngoài, còn trong lòng tôi thì bao giờ cũng cuộn cuộn lên những ngọn sóng bạc đầu như những dấu hỏi khổng lồ. Bác Đảng đã nhấn tâm đến thế sao? Giết những người đã hi sinh cho chế độ cả cuộc đời họ để làm gì? Bao nhiêu thương binh miền Bắc đã được “đưa ra tàu Liên Xô” và bao nhiêu giải phóng quân đã được “đưa ra miền Bắc điều trị”?

— Rồi tao sẽ cho mày biết! — Một tiếng thét vang lên cắt đứt mạch chuyện và thức tỉnh mọi người. Người tù “câm” quay lại nhìn. Tên quản giáo và hai tên cai tù đã đứng đó từ hồi nào. Tên quản giáo xet đèn pin vào mặt gã tù “câm” bảo:

— Dem thằng này về văn phòng! — rồi quất đèn pin khắp lượt người ngồi quanh đồng lửa — Tụi này tụi tập bàn mưu chống cách mạng đây! — Hấn chĩa thẳng đèn pin vào mặt người tù — Nếu ở đây có biển thì tao cho mày đi theo luôn đám thương binh đó ngay bây giờ! Nhưng không có biển, tao còn một trăm cách khác để cho mày đi theo tụi nó.

Người tù đứng phắt lên, bóng cao lồng lộng, giọng lạnh lùng:

— Cảm ơn! Tôi khỏi cần các ông! — rồi móc trong lưng ra một vật gì bỏ nhanh vào mồm nuốt.

Tên quản giáo thét:

— Nó tụi vạ! Móc họng nó!

Hai tên kia nhào tới vật ngã anh xuống nện cổ, nhưng hai hàm răng anh nghiền chặt.

— Lấy còng đập gãy răng móc họng nó ra! Đừng cho nó chết bây giờ! — Tên chúa ngục hét và chĩa đèn pin vào khuôn mặt bị đè ngửa của người tù.

Đã thấy hai dòng máu trào ra từ khóe mép. Và đó là tiếng nói cuối cùng của một đời tù câm.

Tháng 9, 1988

Giang Khuất

Đoàn xe quân sự Molotova ở phía sau vọt lên đổ trước mặt chiếc xe đồ quốc doanh của chúng tôi. Sắp được xuống phà để sang sông, nhưng bị ba cái thứ ôn dịch thế “A” này choáng mất phần, thì chiếc xe đồ khó lòng đến Hà Nội chiều nay. Hành khách bất mãn kêu lên, nhưng cũng đành nhịn thua vì xe nhà binh luôn luôn ưu tiên, bất cứ xe nào cũng phải nhường, không phải nhường mà chuyện đời đương nhiên như thế! Đoàn xe có chừng mười chiếc, bao vải bịt bùng, chỉ có lái chính và lái phụ cho mỗi chiếc.

Cầu đường bị phá nát trong chiến tranh chống Pháp. Từ Thanh Hóa ra Hà Nội có đến gần 20 chiếc cầu sắt bị phá sập, trong đó có cả cầu Hàm Rồng, cầu Đò Lèn, cầu Ninh Bình là ba chiếc lớn nhất. Xe hành khách và các loại xe thập cẩm khác đều phải lụy vì “phà”. Sau chiến tranh hơn năm rồi, phà gỗ kéo bằng tay vẫn còn trấn thủ các bến.

Tôi và thằng bạn được gọi ra Hà Nội để tìm mua sách và hình ảnh cải cách ruộng đất đem về cho cơ quan sắp sửa chỉnh huấn.

Thấy mười chiếc xe nhà binh “chơi cha”, thằng bạn nhìn tôi lắc đầu: “Mình kiếm chỗ giăng mùng ngủ đêm nay thôi!”

Con sông, không rõ là tên gì, nhỏ thôi, nhưng nước chảy rất ác. Mỗi chuyến phà có thể chở ba chiếc xe, hai lớn một nhỏ, nhưng xe quân sự to và nặng thì chỉ hai chiếc là thượng số.

Trong lúc chờ đợi tới phiên xe mình, chúng tôi sốt ruột nhìn đồng hồ đếm từng phút. Dự chi phải mất một tiếng cho mỗi chuyến. Bây giờ là 10 giờ sáng. Năm chuyến, năm tiếng. Sớm nhất là phải ba giờ chiều xe mới lần bánh xuống phà. Bốn giờ bỏ lên bờ bên kia. Nếu chạy luôn đêm và ông bà phù hộ cho đường trơn

lọt, không bị những thứ ôn binh này cướp đường nửa thì sớm lắm là một giờ đêm mới đến Hà Nội.

Hai đứa vừa tỉnh với nhau như thế thì một đám bụi mù từ phía Thanh Hoá bốc lên: một đoàn ôn binh mới tiếp đến. Không nhiều, chừng hai chục chiếc. Tôi ước đoán thế bởi vì ngó nhìn lại sau thì thấy chiếc cuối cùng còn ở mãi tận đâu đâu.

Chiếc xe màu cứt ngựa thứ nhất chúi mũi từ từ lặn xuống phà. Chiếc phà bằng gỗ trông như thời Chúa Trịnh đã dùng ở sông Gianh còn sót lại. Chiếc thứ hai xuống tiếp. Toán phu phà cỡi trần phơi những tấm lưng nám đen. Họ gập người xuống sợi giây cáp ngoại cỡ to bằng cổ tay. Họ dùng găng tay bằng bao bố dày xù xì và rách nát. Dù thế họ vẫn không nín nổi sợi cáp giăng ngang mặt sông, một đầu quấn vào gốc cây to bờ Nam, một đầu cột vào chiếc cọc to ở bờ Bắc. Phu phà phải dùng những cái “mắp” gỗ móc vào sợi giây để lôi phà từng tí một. Bắp thịt, lưng, bắp thịt tay và đùi nổi gồng lên như những luống cày nhưng phà vẫn ù lì chậm chạp nhích. Trông đoàn phu kéo phà mà tưởng chừng đó là đám nô lệ bị dây kéo gỗ trên sông Volga thời Nga hoàng. Chúng tôi kiên nhẫn xem được hai chuyến sang sông.

Đến chuyến thứ ba thì chiếc cọc bên bờ Bắc lung lay, vì nước dõ quá mạnh, sợi giây cáp uốn thành vòng cung rồi roac roac... tuột theo với chiếc phà. Cây cọc tróc gốc. Chiếc phà bị nước đập trôi phẳng, quay ngang quay dọc như con ngựa chững giữa giòng. Đám phu hò hét xoay trở rối loạn để giữ chiếc phà bị trôi xa (giống như cách mạng Việt Nam, tưởng thành công nhưng rồi bị hút vào thất bại luôn tới nay).

Do sự trễ phà mà chúng tôi được chứng kiến một cảnh hãi hùng trong cái cách ruộng đất.

*

Mặt trời chen lặn. Các đoàn người lũ lượt vác cờ giống trống đi theo con đường mòn dọc bờ sông phía Nam. Họ vừa đi vừa hô khẩu hiệu đang thịnh hành thời bấy giờ. Nào dả đảo cường hào gian ác, nào, nào, và nào. Kể ra thêm một. Ai cũng thừa biết đó là những khẩu hiệu gì rồi! Cách bến phà không xa, về phía ngọn sông có một mái đình nằm lẩn khuất trong một <http://www.hoangtriviet.org>

tiếng rào rào vang ra từ đó. Cờ xí cũng tập trung đến đó. Trống ếch cà rừng inh tai.

Tôi và thằng bạn trong Nam mới tập kết ra Bắc, ở cơ quan hằng ngày nghe nói về cải cách ruộng đất mà lo cho thân phận mình chưa biết chìm nổi ra sao, mặc dù đang đeo cái móc mới toanh Thành Đồng Tổ Quốc. Bên cạnh chúng tôi có nhiều người đi chinh huấn cải cách ruộng đất ở Trung ương về. Kẻ thì cười toé toét vì thắng cấp vượt bậc, người lại khóc mà không dám hở ra tiếng sợ bị tổ chức chụp là bất mãn hoặc bị quan, vì tuột thang quá nặng. Chẳng phải do tài năng, mà tất cả do thành phần. Tốp được bốc lên đều thuộc thành phần cơ bản còn tốp bị hạ thấp là xuất thân hoặc bản thân là thành phần bóc lột.

Hai đứa tôi trở thành tương tri ngầm vì mang cái thành phần sau này. Ngầm là vì sợ nếu thân thiện công khai, tổ chức để ý và có thể cho rằng hai thằng cấu kết với nhau. Thời kỳ đó, tai vách mạch rừng, ăn nói đi đứng đều phải giữ gìn như đi làm rề, sai một tí có thể bị mất... “vợ”. Chinh huấn cải cách ruộng đất được mệnh danh là cái “ái thứ ba” của con đường “Kách Mệnh” là thế đó. Hai ái trước là nhà tù và chiến trường, tuy đổ máu mà dễ qua hơn là cái ái hoà bình này. Hôm nay tôi ngồi viết lại một vài điều tôi tai nghe mắt thấy, hơn nữa chính là người sống trong cuộc, tôi không có chữ gì để nói về những ngày sắp vượt ái thứ ba ấy hơn là chữ “rùng rợn”.

Vì mới chuẩn bị vượt nên hai đứa chúng tôi có ý tò mò, muốn xem cái ái đó thực tế ra sao?

Không còn có hy vọng qua cái phà Giang Khuất này trong đêm nay, chúng tôi bảo nhau đi xem hội họp hoặc đấu ở đảng đình.

Những đoàn người quần cụt áo đen, váy nâu yếm trắng tay cò tay súng sát khí đằng đằng đổ về càng lúc càng đông. Đi lẫn trong đoàn có những chiếc nón lá kè, những chiếc sắc cốt. Đó là những cán bộ của đoàn cải cách ở trung ương về chỉ đạo hoặc những đội trưởng, đoàn trưởng địa phương trực tiếp điều khiển cuộc “cách mạng long trời lở đất ở nông thôn” đêm nay.

Từ lâu chỉ nghe nói về “đấu” nay chúng tôi sẽ được mục kích “đấu” như thế nào, “đấu” tới đâu. Chắc là mình sẽ học tập được nhiều lắm.

Mặt trời đã lui mất từ hồi nào. Không phải vì lạnh nó đi ngủ sớm, mà có lẽ nó sợ bị lôi ra đấu bất ngờ. Ngày tháng rong chơi, chứ có làm gì đâu, có thể nó cũng bị quy cho là thành phần lưu manh hoặc ngồi mát ăn bát vàng.

Mặt trời lặn, âm khí nặng nề. Đã thấy những vị nón lá kẻ sặc cột ngói sau những chiếc bàn gỗ đủ kiểu ken lại thành một hàng dài ở giữa đình. Để tỏ rõ uy thế của cách mạng, người ta không quên đặt chúng lên cái sạp cao vừa sửa sang lại và lót bằng những tấm ván gập ghềnh, cho nên mỗi khi một ông bà nào đi trên đó thì ván khua như tiếng mõ báo động.

Áo nâu váy đụp càng lúc càng đông đồ về như sôi. Khẩu hiệu thì lớp mang lớp hô, lớp treo, lớp dán, nhỏ có lớn có, trên tường vôi loang lổ, trên cột đình. Trên tấm tường chắn ngang trước mặt đình vừa phết vôi trắng nham nhở, hình con kỳ lân và những giòng chữ Nho hầy còn lộ rõ nguyên, một khẩu hiệu bằng hắc ín kẻ đè lên và ở mỗi nét hắc ín chảy nhều xuống như máu khô. Cái khẩu hiệu đó có lẽ là cái mới nhất và đập vào mắt người mạnh nhất. “ĐÊM NAY FÁI ĐẤU GỤC TÊN ĐỊA CHỦ ÁC BÁ FAN NHÂN ÁI!!!”. Ba cái chấm than như ba lưỡi dao găm cắm trên sọ người, còn chữ thì lúc chữ in lúc chữ viết tay, lại thêm chữ F thay cho chữ PH.

Một phóng loa viên chạy đi chạy lại, truyền lệnh cho các tổp các toán phải đứng ngồi ở đâu và nhắc nhở các tổp cốt cán phải chuẩn bị để sẵn sàng làm nhiệm vụ.

Trời đã nhá nhem. Tiếng người bàn tán triền miên, lâu lâu lại nhói lên một giọng cười hay tiếng chỉ chóc của các o bị thanh niên chòng ghẹo. Tức thì phóng loa viên chấn chỉnh ngay tư tưởng:

— Thưa các đồng chí và đồng bào thân mến! Chúng ta đến đây với ý chí căm thù giai cấp quyết đấu tranh với bọn cường hào ác bá. Mong các đồng chí và đồng bào hãy rèn đức lập trường để chuẩn bị vào cuộc đấu. Allô! Allô!

Cái loa bằng thiếc xám xịt nghênh lên xoay qua bên này xoay qua bên kia để đám người nghe cho rõ. Nó đã sút cán nên người nói phải nâng lên bằng cả hai tay. Và có lẽ mỗi lần đầu thế này anh ta phải nhại đi nhại lại những câu giống nhau không biết bao nhiêu lần nên cái mồm loa đã toét tõe loe, còn tiếng của anh ta thì đã khàn khàn. Loa bẽ và tiếng khàn nghe chói tai, nhức óc, chứ không thấm vào óc, cho nên sau mỗi lần được chấn chỉnh, “tư tưởng” chông ghẹo các o được hạ xuống một chút, nhưng hạ ở góc này nó lại nổi lên ở góc khác, không sao đề bẹp nó được. Sắp chiến thắng cho nên họ vui. Và lại suốt ngày làm đồng quần quật, cũng nên để cho họ lạc quan tí.

Phóng loa viên lại chỉnh. Lại tạm lắng rồi lại nổi lên mạnh hơn, những tiếng rào rào chỉ chóc vẩn cứ tồn tại. Đó là quy luật. Nơi nào có áp bức nơi đó có đấu tranh. Phóng loa viên bèn nháy lên sạp đi qua đi lại chỗ mồm thiếc xuống quần chúng: “Ba đêm qua chúng ta đã cho hấn thời giờ để ăn năn nhận tội nhưng hấn vẫn ngoan cố không chịu nhận một tí gì. Hấn ý hấn đã đóng góp cho kháng chiến thành công và có đến ba con đi bộ đội, một người đã tử trận ở Điện Biên...” Phóng loa viên đánh vòng một hồi rồi quay trở lại ý chỉ quyết tâm đánh gục tên Ái đê-mô-nax và đề nghị đồng bào tỏ rõ ý chỉ ấy bằng cách hô khẩu hiệu. Anh ta đọc nguyên cái khẩu hiệu đen như máu khô trên mình con kỳ lân trước ngời đình.

Tức thì những cánh tay vùng lên như rừng bạt gió với tiếng gào bay ngói:

— Quyết tâm! Quyết tâm!

Liền sau loạt hô lại có tiếng léo nhéo:

— Ở kia cái anh này, thanh niên xung phong gì dơ thế?

— Ta mới tắm đây lại chê là dơ! Có đằng ấy... hồi thì có!

Phóng loa viên quát:

— Các đồng chí cốt cán trong các đoàn coi chừng bọn địch đã cài phản động vào hàng. Rõ chưa? Đừng có tưởng chúng đã đầu hàng giai cấp.

— Rõ...õ!

— Đêm nay là đêm cuối cùng, địch có thể tìm cách phá hoại mạnh hơn đêm qua!

Nghe tới đó có lẽ đồng bào hơi sợ, cho nên tiếng chỉ chóc của các o thưa hơn trước. Phóng loa viên hết nhiệm vụ, hẳn giao loa lại cho một người khác. Người này có lẽ là đội trưởng hay chỉ đó, bước ra khỏi ghế ngồi và cầm loa tuyên bố trịnh trọng:

— Hôm nay là buổi đấu cuối cùng. Dù muốn dù không cũng phải kết thúc. Đây là cuộc đấu có chỉ đạo của ở trên để rút kinh nghiệm cho toàn tỉnh ta và toàn quốc nữa. Bởi thế hôm nay có đại diện của Ban Ủy Cải Cách Ruộng Đất Trung Ương Đảng, đại diện của ban Cải Cách Ruộng đất tỉnh ta về tham dự. Cuộc đấu đặt dưới sự điều khiển trực tiếp của đoàn và các đội trong tỉnh.

Người đội trưởng giới thiệu tên và chức vụ của từng vị một. Mỗi vị được giới thiệu đứng lên và được hoan nghênh bằng vỗ tay, ít hay nhiều, lâu hay mau tùy theo chức vụ lớn hay bé. Vị nào cũng cố để lộ trên nét mặt một ý chỉ sắt đá đánh gục kẻ thù mạnh hơn người bên cạnh mình. Người đội trưởng hét:

— Cho đưa tội nhân ra!

Tôi nhìn thẳng bạn. Nó cũng đang quay sang nhìn tôi: “Tội nhân”. Hai đứa như cùng một lúc hỏi nhau bằng mắt vì vẫn nhớ luôn là tai vách mạch rừng. Nếu nói ra ý nghĩ mình thì “phản ứng giai cấp”, vô cùng tai hại. Đó là tội nhân ư? Chưa kết thúc cuộc xử án, ai kết tội?

Kẻ thù mà các vị ở trên sạp đang hẳn học quyết tâm đánh gục là đây. Kẻ thù ấy tay không, bị trói ngoặt cánh khải, đầu gục xuống ngực được hai ngải du kích có súng đùn từ phía trái của đầu trưởng vào trước sạp.

Ở đó đã có hai hàng du kích giàn thành miệng bát để đón kẻ thù tay không bị trói bằng dây và bằng những cặp mắt căm hơn.

— Quỳ xuống! — Người du kích áo nâu tống một đạp sau lưng tên ác bá làm hắn ngã sấp, nhưng hắn biết thân phận giun dế nên lồm cồm quỳ lên một cách lẹ làng, mặt nhăn nhưng không dám rên một tiếng. Hẳn lấm lét ngược nhìn lên sạp.

Một hàng quan tòa đã ngồi sẵn đấy, y như đêm qua, ông thì mặt vuơng như bức hình cụ Hồ gắn giữa tròng sao vàng của lá cờ

đỏ treo từ trần nhà thông xuống, vị thì mặt dài như lưỡi cuốc chệt, người lại mặt nhọn như lưỡi cày chìa vôi, tất cả những bộ mặt ấy đều có vẻ muốn ăn tươi nuốt sống hần, người nào cũng có thừa quyền để ban cho hần một bản án... kéo dài tới đời con đời cháu và lan rộng ra tam tộc.

Tôi thấy bất nhẫn tâm can, lòng dạ xót xa như bào. Một lão già có công đóng góp cho kháng chiến, có ba con đi bộ đội, một đã hy sinh trong trận Điện Biên Phủ bây giờ được đảng đối xử như vậy sao? Tôi vụt nghĩ đến bố mẹ tôi...

Tôi liếc sang thẳng bạn. Vì đồng... bệnh giai cấp nên tương lân ngấm. Hần có một uẩn khúc vô cùng oan nghiệt. Bố hần là một nhà yêu nước nổi tiếng nhưng không cùng chính kiến với đảng. Hội ủy ban nhân dân Nam Bộ vừa lên cầm quyền được vài ngày thì việc đầu tiên của ủy ban này là thanh toán ngay bố hần. Vậy mà hai anh em hần vẫn một lòng yêu nước, dắt nhau ra bưng biển kháng chiến với Việt Minh vì tin là Việt Minh cũng yêu nước như Trần Hưng Đạo hoặc Nguyễn Trãi. Tuy thế vẫn không dám để lộ tông tích, đưa em thì cương quyết giữ theo họ cha, còn hần thì đổi ra họ khác. Nhưng rồi lần hồi người ta vẫn tìm ra nguồn cội của hần. Trong cơ quan không có ai học lực bằng hần, nhưng người ta chỉ cho hần chép tin Việt Nam Thông Tấn Xã. Hần không bao giờ bắt mẫn hoặc không dám tỏ ra bất mẫn, không dám nói với ai những gì hần nghĩ trộm ngoài tôi, nhưng chỉ đôi khi. Bây giờ ra Bắc, trước cửa ải thứ ba sắp chào đón mọi người, hần càng run... Thân với tôi thì thân ngấm, nghĩ thì nghĩ trộm, và có run cũng chỉ run lén, run khế để không ai biết mình run.

Khi nghe tiếng nạt “quỳ xuống” hần cũng nhìn sang tôi như tôi nhìn sang hần, để tìm câu than oán hoặc giải đáp của nhau. Câu ấy lại là một tiếng lòng cam.

Tội nhân Phan Nhân Ái đã quỳ lên vững vàng rồi. Hần không dám nhìn vào đám người mặt người vừa đổi ra mặt quỷ. Người ta đã đốt đuốc giơ cao lên, ngọn lửa này kế tiếp ngọn lửa khác đã biến thành biển lửa. Trong lửa đâu có gì đáng phải nhìn cho nên tội nhân nhìn xuống đất. Đất nước thân yêu của hần nay không nhận hần nữa, đất sắp sụp dưới chân vừa đủ một huyết mộ. Ở dưới đó...

Tôi lan man nghĩ giùm cho ông địa chủ yêu nước, bố của chiến sĩ lần liệt sĩ, đáng thương hại... Trên cõi đời này đã có Diêm vương đang biến trần gian thành địa ngục để xử tội hần. Xuống dưới kia, hần lại dựng một Diêm vương khác cũng tiếp tục xử tội hần.

Nếu hần là Quách Hộc, lên thái giám bắt lương đã ném hoàng tử xuống Liên trì để thỏa mãn sự tị hiềm của hoàng hậu, thì hần không ngần ngại gì mà không cung khai quách cho xong trước Diêm vương và một bầy quỷ đầu trâu mặt ngựa. Nhưng hần không làm điều gì ác, có chăng thì cũng chỉ là cái ác của loài người, ai cũng có, vậy phải đem cả loài người ra xử hay sao? Hần chỉ có tội đóng góp cho kháng chiến thành công kể cả một đứa con trai chết trận. Tôi nghĩ, chắc có lẽ hần không hiểu tại sao hần bị mang ra xử và, nhục mạ, hành hạ suốt ba đêm qua.

Nhìn hần quần áo tả tơi, râu tóc bờ phờ, mặt mũi bầm tím, má cộp và có cả vết máu khô bên mép phải, tôi rung mình. Có lẽ tên địa chủ không biết nhìn vào nơi nào để tìm một ánh mắt thân ái hoặc một lời mình oan nhối nhoi. Không ai chịu đỡ cho hần một ngọn roi, kể cả những ân nhân của hần. Ôi thói đời! Những tên chui nhui trốn trong hầm nhà hần khi tụi lính đồn Giang Khuất đuổi gấp, hoặc nhờ cả con gái hần cho nằm chung và nhận là chồng để lính bảo an không bắt bờ hạch sách, những nhà cách mạng địa phương ấy ăn cơm hôi đó là cơm tình cá nước mà bây giờ lại hóa ra nợ máu với nhân dân, những vị ấy bây giờ còn kia, kẻ ngồi ghế Chủ tịch Ủy ban, người Phó Bí thư Chi bộ. Họ ngồi cả trên sạp kia trong chủ tọa đoàn và quay lại tố hần mạnh mẽ và điều ngoa nhất. Có lẽ chẳng còn trông cậy vào ai được nữa, nên hần ngược lên nóc nhà. Hần bắt gặp một lão già, lão già mắt như sao râu hơi dài và... nước da nâu vì sương gió. Lão ta lại còn cương quyết rửa thù nhà nữa. Rửa thù nhà bằng cách bắt tên Phan Nhân Ái trối thúc kè và nhận tội giúp kháng chiến thành công cho lão lên ngôi vua ngày nay, để rồi lão trở lại giết những kẻ đã lấy thân làm giá cho lão đặt súng, lấy da bọc ghế, lấy xương làm căng ghế cho lão ngồi.

Tôi chen vào phía trước để xem cho rõ, may ra có đủ tài liệu để viết một bài báo (bài báo ấy đến hôm nay — 30 năm sau Giang Khuất đại náo đầu trường, tôi mới nhớ lại và viết ra đây). Tôi đứng gần các ông bà nông dân cốt cán gom thành nhóm bên cạnh hai

hàng du kích. Thấy tôi mặc quân phục nên không ai hạch sách gì. (Thời đó quân ông Giáp bị quân ông Thắng rượt chạy mở đầu, ở nhiều nơi họ bị bắt trời. Có ông trung đoàn trưởng chiến thắng Điện Biên về thăm bố (địa chủ) bị đội đưa ra đầu luôn. Gia đình phải chạy ra Bộ Quốc Phòng xin can thiệp với ủy ban CC Trung ương. Mãi mới được thả về đơn vị. Lại có cả một ông Phó Bí thư (tỉnh Hà Tĩnh) bị đội cải cách địa phương bắt với tội "bí mật liên hệ với địch", bằng chứng là ông này hồi trước 45 luôn luôn lên rừng họp lén. Ông ta cãi: "Thời đó đảng hoạt động bí mật làm thế nào tôi cho đồng bào biết được?" Thế nhưng đội vẫn khư khư buộc tội ông mật giao với địch. Vợ ông chạy ra Trung ương khóc lạy ở ngõ ngoài. Ba ngày sau mới thấu tai Tổng Bí thư. Khi sự can thiệp của Trung ương đến nơi, mộ đồng chí Phó Bí thư đã xanh cỏ. Câu chuyện này giấu kỹ lắm, nhưng sở dĩ tôi biết được là nhờ chờ phá Giang Khuất trong một chuyến đi Hà Nội khác, một người bạn đồng hành đã kể cho tôi nghe (lúc này đang sửa sai). Bởi thế nên mới có câu lính ông Thắng rượt lính ông Giáp. Lại còn có câu "Nhất đội nhì trời".)

Lệnh tử chủ tọa đoàn ban xuống. Đó là lệnh của vị chỉ huy tối cao trận đánh này.

— Thay mặt Trung ương đảng, tôi ra lệnh cho cuộc đấu tranh tiếp tục!

Cái loa thiếc bật lên ngay và chỗ xuống đám người:

— Đả đảo quân phản động!

— Đả đảo tên địa chủ Ái!!

Tiếng đả đảo vừa bẹp xuống thì những lời cũng từ chủ tọa đoàn phóng ra chỗ thẳng vào lão Ái:

— Tên tội phạm kia, hôm nay nếu người nhận tội thì người được hưởng lương khoan hồng của đảng và nhân dân, nếu người ngoan cố sẽ bị thẳng tay trừng trị. Nhân dân cho phép người nói đấy! Nhưng không được chối quanh, nghe chưa? Mở trời ra cho hấn nhận tội! — Lệnh trên hùng dũng ban tiếp: — Nhận tội mau!

Anh du kích áo đen thì hành lệnh mở trời, nhưng thì hành xong, anh ta không quên nhắc nhở tội nhân rằng đây là lệnh khoan hồng của đảng và nhân dân bằng một cái đáp chúi lúi. Tội phạm

bị đập mặt xuống gạch lại lóp ngóp đứng lên. Phen này gò má bên phải u lên một cục. Má trái đã bầm rồi, má phải lại u. Đúng là lòng nhân ái của thế kỷ này: kẻ địch đánh ta má này ta không chừa luôn má kia ra mà kẻ địch vẫn đánh tiếp... má kia.

Tội phạm quệt mũi và run run:

— Cám ơn đảng và nhân dân đã cho phép tôi nói! — Lão nhìn lên chủ tọa đoàn xem có ai quen cứu vớt hần hay không? Bỗng lão nhận ra một gương mặt. Ôi chao! Hần mừng quá đổi, hần định giơ tay vẫy.

Nhưng cái giọng lúc nãy lại vang lên:

— Nói! Nhận tội! Không được làm gì khác! Quay mặt xuống ông bà nhân dân.

Tội phạm lại run run, đứt quãng:

— Nhân dân cho tôi... nói, nhưng tôi không biết nói gì bây giờ...!!

Tức thì một vị chủ tọa đứng lên:

— Này, địa chủ Ái, nghe nhân dân nhắc lại tội ngươi. Thứ nhất chỉ điểm cho lính đồn Giang Khuất bắt hai cán bộ năm 52. Thứ hai, người dẫn lính ở đồn Nho Quan về ruộng bắn chết hai du kích xã. Ngoài ra còn mật báo cho lính Bảo An bắt hụt cán bộ huyện mấy lần không nhớ hết. Hơn nữa, người còn thu tô nặng với nhân dân hơn 20 năm trời, hăm hiếp đầy tớ gái, bỏ đói đầy tớ trai, đánh què 30 người làm công...

— Ôi giới cao đất dày ơi! — Lão già bật lên tiếng khóc. — Tôi đâu có dặt giặc Giang Khuất, tôi đâu có dẫn lính Nho Quan, tôi chỉ cất giấu cán bộ cho giặc không tìm ra. Tôi đâu có mật báo lính Bảo An, tôi chỉ mách cho cán bộ chạy thoát khi thấy Bảo An đến xóm trên. Tôi đâu có tôi trai tớ gái mà hăm hiếp mà bỏ đói. Tôi có muốn người làm công, nhưng đâu có đánh ai què!

— Bốp! — Tiếng đập bàn cắt đứt lời kêu ca của tội phạm. Tức thời cả trăm ngọn đuốc giơ lên thụt xuống như máy rập ràng với tiếng hô hét:

— Ngoan cô! Ngoan cô!

— Bịt mõm nó lại! Bịt mõm, bịt mõm!!!

Tiếng hò hét vừa dứt thì có một người từ trong nhóm cốt cán đã chực sẵn gần đó đứng lên đi khắp khểnh tới trước mặt tên địa chủ, trở mặt và quát:

— Mày đánh tao què, còn chối phéng hử?

Rồi một người đàn bà đứng lên lạch bạch bước tới, lại trở mặt nghiêng rằng:

— Mày lừa tao vào buồng... mày nhớ không?

— Lừa để làm gì, phải hài tội hấn ra... — Một cốt cán nam nhấc to.

— Mày hiếp tao!

— Ối! Giời đất ơi! — Tên tội phạm kêu — Bà là vợ tôi...

— Câm mồm!

— Bắt nó quỳ xuống nhận tội!

— Không cho chạy tội nữa!

— Dem ra bắn quách!

Mỗi người một ý kiến, mạnh ai nấy phát biểu. Độc lập. Tự do rồi mà! Mạnh ai nấy vùng đuốc tỏ ý chỉ cương quyết đánh gục kẻ thù. Tàn đuốc bay lá tả như mưa. Mồ hôi cháy trong ánh đuốc bốc lên nồng nặc.

Một cốt cán nam bước ra đứng lên bực làm bằng một tấm ván vuông kê trên bốn chồng gạch gập ghềnh như bước chân đoàn quân trong Tiến Quân Ca. Anh này không còn trẻ mà cũng chưa già, mặt mũi trơn lỉnh như ớt ếch. Có lẽ anh ta là đầu tàu trong toán cốt cán, nên được đứng trên bực thay vì đứng dưới đất như mấy người trước. Anh ta trở mặt địa chủ Ái:

— Tao chứng thật là tội mày đúng như đồng chỉ đội trưởng vừa hài ra lúc nãy. Vì tao ở đợ nhà mày trên mười năm, từ bị tạm chiếm đến giải phóng. Chính mày đã cho tao ăn phân lợn khi tao nấu cám cho lợn quạ lửa bị khét.

— Ối giời ơi! Tôi đâu có thuê ai nấu cám cho lợn. Nhà tôi đủ nhân công cho cả việc...

— Quỳ xuống! Ngoan cố, ông bà nông dân đập chết! — Một tiếng từ chủ tọa đoàn phóng xuống. Anh du kích áo nâu đứng bên

cạnh ghìem súng vào địa chủ Ái này giờ, như chờ đợi tiếng “đập chết” này, nên chĩa súng vào hồng tên địa chủ găm lên:

— Bò xuống! Không được nói nữa!

Nghe thép súng chạm vào da, địa chủ Ái bò sụp xuống. Biết đâu đây chẳng là anh du kích đã được lão ta cứu thoát năm trước.

Cứ mỗi lần nhân dân nổi trận lôi đình thì trên chủ tọa đoàn lại có một vị xoa dịu, xin nhân dân dùng lượng khoan hồng của đảng “để hấn còn có con đường sống làm người”. Hình như đó là một chiến thuật đấu của các nhà lãnh đạo.

— Hấn không phải là người! Không cho hấn làm người! — Anh du kích áo nâu thừa thắng xông lên nện cho lão già một báng súng. Lão rống lên và lăn quèo, nhưng chỉ dám rên khe khẽ. Nhưng ông bà cốt cán lại đồng loạt reo lên như hợp xướng một bản ca đã thuộc lòng:

— Hấn giả vờ đấy, hấn giả vờ đấy, đừng hấn đấy!

— Bắt hấn nhận tội ngay! Không được xưng “tôi” với cách mạng. Phải xưng “con”!

Hai anh du kích áo nâu và áo đen quàng súng lên vai, một người nắm tóc, một người lôi tay. Lão già rũ xuống như cái ngọn tre non. Lão rên hử hử nhưng vẫn kêu:

— Con đâu có tội gì, nhưng ông bà bảo nhận tội gì thì con cũng xin nhận.

Một người đàn ông khác trong đám cốt cán, đứng tại chỗ, vừa giơ tay xin nói vừa nói luôn:

— Nó nói thế là nó bảo nhân dân tố điều, tố lão và nó bảo rằng nhân dân ép người vô tội nhận tội. Nó... nó...

— Tôi... con... con đâu có dám nói cách mạng tố điều!

— Đã bảo câm!

Ông ngồi bên trái của đại diện trung ương đứng lên. Đây là lần đầu tiên ông ngó lơ. Ông nói rất ôn hoà, thật đúng với lượng khoan hồng của đảng:

— Những nhân chứng vừa rồi đều tố quá lời hoặc sai sự thực. Ở đây chỉ cần một người. Nhưng không phải là vợ của địa chủ Ái,

vì bà ta tuy là vợ, nhưng là vợ hai, có thể bà ta ghen tương nên tổ bừa là chồng bà ta hiếp bà ta. Chồng gì lại hiếp vợ?

Người đàn bà khi nãy tổ chồng hiếp bỗng đứng vọt lên như con cá trong hồ chật, kêu:

— Em đâu có định tổ, nhưng đội bắt rể, đội lôi em ra khỏi nhà bảo em phải làm cốt cán, rồi mớm lời cho em như thế, rồi mấy ánh liên tiếp gặp em ban đêm... xây dựng.

— Câm! Con quý cái phản cung. Lôi nó đi ngay! — Một vị chủ tọa thét, và đứng phắt dậy chạy ra khỏi ghế trong lúc mấy người cốt cán bản cổ đứng gần đó kéo người đàn bà ra ngoài hàng. Ông ngồi bên trái của vị đại diện trung ương bình tĩnh nói tiếp:

— Chúng tôi đã đề nghị Bộ Quốc Phòng, ủa không, chúng tôi có một nhân chứng khác sẵn sàng tố hấn. Đó là con gái của hấn! Cho đưa khổ chủ ra ngay!!

Cả đấu trường xao xuyến. Những cái đầu ngoảnh về phía này, ngoảnh về phía khác, những ngọn đuốc giơ cao lên, tìm kiếm con gái địa chủ. Quả là một sự bất ngờ. Con gái tổ cha.

Một phút qua rồi năm phút qua. Rồi mười phút qua. Nhất đội nhĩ trời. Lệnh vừa ban ra là lệnh của Đoàn trưởng cao hơn đội trưởng một cấp, nhưng hồi lâu lệnh vẫn chưa được thi hành, nghĩa là khổ chủ chưa được điệu ra.

Người ta rào rào bàn tán. Một tiếng nói bên cạnh tôi:

— Phen này hết chạy! Dòi trong xương dòi ra!

Một anh du kích, có lẽ là người phụ trách giữ và đưa nữ khổ chủ ra đấu trường đứng dưới đất phía sau lưng đoàn chủ tọa, báo cáo:

— Trình đồng chí đoàn trưởng, con mụ trốn mất rồi ạ!

— Tại sao? — Đoàn trưởng bị mất mặt với tình và Trung ương nổi cáu quát: — Chạy tìm cho bằng được, nếu không các anh đi tù!

Nhưng một vị trong đoàn chủ tọa người nhỏ thó, mắt lơ, đầu húi cua trắng hếu ba phía chỉ còn cái chòm tóc trước mở ác nghiêng qua rí tai vị đại diện Trung ương. Vị này rí tai lại.

Vị mắt lơ cúi xuống nghe, gật lia rồi đứng lên nói to:

— Không cần! Sẩy khẩu mút canh tông ta có đại bác nổ to hơn nhiều! Chúng tôi xin mời... — Anh ta quay mặt về phía cuối bàn chủ tọa, với giọng cung kính. — Xin mời đồng chí Trung đoàn phó tiếp một tay với chúng tôi.

Tự nãy giờ tôi có chú ý đến vị chủ tọa mặc quân phục nhưng không có cấp hiệu chi cả ngồi ở cuối bàn chủ tọa (lúc bảy giờ quân đội chưa có quân hàm). Tôi tự hỏi tại sao lại có lính ông Giáp ngồi chung với lính ông Thắng trên chủ tọa đoàn? Họ không mấy yêu nhau, nếu không nói là căm nhau. Vị quân nhân này mặt mũi xám ngoét như bị quý hộp hờn, trông chẳng bằng một tên ma-cà-rông. Nghe lời mời, vị quân nhân đứng dậy giơ tay chào kiểu nhà binh.

Anh đoàn trưởng nói một câu khác văn hoa hơn:

— Từ nãy giờ đồng chí là chủ tọa, bây giờ đồng chí là khổ chủ. Từ trước cách mạng đồng chí là con của bố Ái, nhưng từ khi đồng chí trở thành đảng viên thì đồng chí coi đó là kẻ thù của giai cấp vô sản. Nào, kẻ thù đang chờ đồng chí đến tiêu diệt nó, cửa ải cuối cùng của cách mạng đang mở cửa đón đồng chí...

Rồi anh đoàn trưởng quay xuống đầu trường nói trắng ra cho những ai tối dạ hoặc lạc hậu không theo kịp chánh sách của đảng đang râm ran bàn tán:

— Đây là đồng chí trung đoàn phó Phan Nhân Hòa, trước kia là con của tên Ái, bây giờ là khổ chủ của hắn.

Tôi nghe rất đầy đủ câu văn chương của anh đoàn trưởng nhưng vẫn sợ nghe nhầm hoặc anh ta nói nhầm. Nhưng không, tôi lẫn anh đoàn trưởng đều không nhầm.

Trung đoàn phó Phan Nhân Hòa đứng trân trân hai tay bám cạnh bàn, mắt đỏ ngầu, mặt tái nhợt. Vị đại diện trung ương từ nãy chỉ nói một câu khai mạc, bây giờ mới trở tài. Giọng ông sang sắc như dao cau:

— Đồng chí Hòa thân mến, đây là giờ phút quyết định ranh giới địch ta, đồng chí đã qua cửa ải máu lửa, bây giờ đảng cần ở đồng chí một chiến công mới không đổ máu, chiến công trong hoà bình!

Trung đoàn phó Hòa bước chầm chậm vòng qua đầu bàn rồi tiến ra mép sập chỉ còn cách lão địa chủ một tay, thì dừng lại,

đứng thẳng để giữ tư thế. Nhưng tôi vẫn thấy rõ nét đau khổ của nhà quân sự cách mạng ngay từ lúc khi tôi biết ông ta là hòn máu của tên phản động.

Bất ngờ Hòa vung tay, ngẩng mặt lên hô:

— Đả đảo bọn địa chủ bóc lột!

Đầu trường dậy sóng. Tiếng hô đáp ứng rào rào. Cái mồm thiếc bẽ cũng rống lên. Tàn đuốc rơi lả tả trên đầu người làm tóc bạc ra. Phải, chỉ cần sống một đêm như thế này tóc bạc ra cả! Riêng tôi, tôi đã sống nhiều đêm.

Địa chủ Phan Nhân Ái, từ lúc trông thấy con, đã khóc ròng. Lão ta ôm mặt gục đầu, run lên. Toàn thân lão tóp lại như một tai nắm rơm khô chỉ cần một con muỗi bay qua cũng đủ gió quạt nó ngã và không bao giờ cất dậy nữa. Bất ngờ, nghe tiếng “đả đảo” phát ra từ miệng con, lão ngẩng mặt lên. Lão mếu, hàm râu của lão run run. Nước mắt chảy hai bên mũi và khoé mép tụt xuống tận chót chòm râu và rơi xuống đất. Đứng ở trên nóc nhà đang ngó lên trời tìm đường đi đến một vinh quang to hơn Điện Biên Phủ, đáng đâu có ngó xuống mà thấy cái cảnh này. Lão từ từ giơ tay lên sạp và rú lên:

— Co...on!! hu hu...

Lão vừa kêu vừa khóc vừa bước tới mép sạp để sờ lấy chân con. Không biết đã bao nhiêu năm rồi lão không gặp thẳng con, không biết đã bao nhiêu năm rồi con trai lão, qua cặp mắt đảng, nhìn lão là kẻ thù. Có người cha nào trên mặt đất mà bị con đả đảo như lão không? Mắt lão nhắm tít như không dám nhìn sự thực, mặt lão ướt đầm nước mắt, môi run bần bật, định thốt ra tiếng gì, nhưng:

— Bịt miệng nó...ó !!... Một tiếng quát.

Lão vừa mở choàng đôi mắt thì một trong hai anh du kích — anh áo nâu, cầm lên tay một vùa gị đen ngòm, còn anh kia — anh áo đen, cầm hai que tre làm đũa gấp một cục đĩ vào mồm lão già. Lão ngã ngửa và gạt văng tung cả đũa.

— Trói nó lại! Cho nó ăn tợn vào!

— Nó là thú. Bắt nó đi bốn chân!

Tôi không nhìn nổi nữa, tôi nhắm mắt quay mặt, định lùi ra tìm chỗ rút lui cho xong. Bấy nhiêu đó đủ cho một bài báo, cho cả một tiểu thuyết! Nhưng chưa tìm ra lối lùi thì nghe tiếng bình bịch rôm rốp, đoàn binh như sét đánh rồi tiếng huỳnh huých. Tôi khom đầu né và lùi chạy. Cả rừng người hoảng hốt la rú, càn đạp lên nhau, chạy tủa ra bốn phía như ong vỡ tổ. Tôi chạy bán mạng không cần biết hướng miễn chạy cho xa, chạy như bị giặc đuổi. Đèn đuốc tắt thui. Đã hỗn loạn càng thêm hỗn loạn. Thật khó tin rằng đoàn người vừa hùng hổ đòi đánh gục kẻ thù bị trời tay, bị bỏ dối ồm như tàu lá mà lại tan hàng chỉ vì mấy phát súng. Chính nghĩa sao nhạt gan vậy?

Tôi lần theo đường mòn trở lại bến phà và gặp thẳng bạn ở đó. Hai đứa chạy loạn có một tiếng đồng hồ, mà tưởng chừng đã đầu thai và trở lại dương trần mấy kiếp. Hai bàn tay bắt lấy nhau, run như thần lần đứt đuôi. Ngóảnh nhìn lại phía đình, chỉ thấy chòm cây như một quả núi đen đứng giữa nền trời xám xịt.

Các cỗ xe nhà binh vẫn còn nằm thù lù ra đó, có vẻ như đã mọc rễ ở đây. Chúng tôi tìm một bụi cây, moi ba lô giăng mừng ngủ. Nhưng không ngủ được. Mấy phát súng còn nhói lên trong đầu. Ai bắn, bắn ai? Có ai chết?

Hai đứa nằm cạnh nhau, trần trố mãi và thở dài, mà không dám hỏi nhau một câu. Một câu đơn giản như thế này thôi: “Cậu thấy thế nào?” mà cũng không dám. Hỏi như thế về một chánh sách lớn của đảng đã được chính phủ ban hành thì có nghĩa là còn hoài nghi về nó. Vấn đề sẽ không nhỏ đâu, nếu lọt tai ban tổ chức.

Khi chúng tôi thức giấc thì đã trưa trệt. Nhưng không muốn dậy lộ đầu ra khỏi mừng. Nếu cái nóc mừng là vòm trời của mình, có lẽ mình còn được tự do và thênh thang hơn đội trời chung với... ở kia con muỗi, loài hút máu người. Tôi đập đánh chết.

Trên đường mòn, tiếng quang gánh khua kiu kịt. Đàn bà đi chợ nói chuyện râm ran. Để thường đêm qua họ cũng hằng hái đầu, cốt cán nữa là khác.

Giọng của một bà chừng đã đứng tuổi:

— Cũng may không có ai chết hoặc bị thương, o nháy!

– Hấn không cố ý bắn vào người, chứ nếu hấn cố ý thì xe chở không hết.

– Hấn đi bộ đội làm tới chức đó, phải thuộc quan điểm nhân dân, không giết dân.

– Ủ nhẩy, cho nên hấn chỉ bắn có tám hình.

– Bắn tám hình mà “chỉ”!!! Nát hết cả mặt! Ngồi trên nóc tan cả một vùng bằng cái nông.

Tôi thọc tay xuyên qua vách mừng thằng bạn bấm bấm vai nó, ý hỏi có nghe gì không, nó cũng bấm bấm tay ý bảo có, có nghe quá đi rồi cha non!

Một tốp đàn bà lại đi tới. Họ rối rít, câu nọ át câu kia, như tranh nhau nói trước những điều mới nhất mà họ nghe lỏm được về đêm qua. Tôi chỉ nghe thủng đôi câu:

– Tội nghiệp cái con em gái hấn. Biết sống cũng khổ cho cả chồng con.

– Cô ta trốn về nhà treo cổ trong buồng. Đoàn chưa cho chôn, bảo là cái “rể” phản động! Đội đang truy anh chồng.

– Thằng anh gan cóc tía thật, dám cả gan giật súng du kích bắn tám hình...!

*

Ngồi viết đoạn hồi ký này, tôi thấy trên trang giấy cuộn lên những đợt sóng Giang Khuất. Nước đập chiếc phà trôi, đám phu vắn cổ sức bám lấy sợi giây cáp để giữ chiếc phà lại. Chiếc phà gổ ọp ẹp nhặt mót ở đâu về xài, lại chờ quá khăm, mà đám phu thì đuối sức, chân chỏi ngược, mặt ngửa lên trời, phơi những cái bụng tóp ve. Dòng sông trào dâng như giận dữ, đỏ ngầu vì máu đỏ không ngưng. Chiếc phà cách mạng Việt Nam! Nó làm máu đỏ thành sông, con sông máu đỏ sẽ chìm nó. Nó đi sai từ nguồn, không phải chỉ từ bến phà này.

Tháng 2, 1989

Bức Tranh Xã Hội

*Tôi không muốn mời anh đi xa lạ
Tìm đau thương trong xã hội điều tàn
Nói làm sao cho hết nỗi lăm than
Khi trái ngược đã tràn đầy tất cả*

(BỨC TRANH XÃ HỘI: Tố Hữu)

Từ Xuân Mai đến Hà-nội, ngồi trên xe Mô-lô-tô-va chở gạch của nông trường, Phán Đen phải vất vả vô cùng. Tay nắm be xe, tay ôm lít rượu chắc khư. Lầm lức xe dần nhẩy tưng lên, Phán suýt đánh rơi chai rượu. Rượu của “nhà máy” nông trường mới ra lò, kháp đúng chữ, tay bợm mà uống chỉ một hớp đã khan tiếng rồi. Phán o bé mấy thằng làm trong đó lắm, chúng mới lòn ra được một chai. Lĩnh Thành Đồng Tổ Quốc ra làm khổ sai ở nông trường Lam Sơn buồn xa xứ, nhớ cha mẹ vợ con, dụng tửu quân giải phá thành sầu, cho nên hai ngàn tên uống rượu bằng một triệu dân Thanh Hóa. Ở Xuân Mai, một ngàn tên, uống bằng nửa triệu dân Hà Đông Sơn Tây. Chai rượu đế này là tượng trưng cho tỉnh khoái nhậu nhẹt của dân Nam Kỳ, cho tình đồng chí vô sản không giai cấp giữa Phán Đen và anh Ba của hắn, ngoài ra còn tượng trưng sự nhớ quê hương nữa.

Hắn ra Hà-nội ghé thăm chỉ có thằng Thối là người bản sở, ngoài ra chắc không thăm ai khác. Thằng Thối kèo nèo đòi nếm thử rượu rừng, nhưng Phán hứa kỳ sau đem chai khác, còn chai này nhất định phải để nguyên kính biếu anh Ba. Thằng Thối nói:

“Cho anh Ba, anh Ba chê không thèm uống, xách về đây ê mặt lắm! Phấn Đen trở thành Phấn Lọ Nồi đó nghe!”

Phấn Đen tin rằng tình ruột thịt, tình đồng chí của anh Ba thấm thiết vô cùng, đâu phải như lò nhuộm quốc doanh, quần áo nhuộm mới giặt một vài lần, màu đã bay gần hết.

...Hắn đứng mỗi chân mà không thấy ai vô ra hết để hắn nhẩn nhe. Hai cánh cửa sắt, phần dưới bít đặc, phần trên là song sắt nhưng lại bị chắn ngang bằng những mảnh tôn, cao quá đầu ai muốn gọi vào trong cũng không gọi được, muốn thấy cái gì ở trong cũng không thấy được.

Phấn Đen dựng chai rượu vào góc me để nghỉ tay. Tờ báo Nhân Dân hắn bọc cái chai bị dầy vò đã rách nát, để lòi ra màu rượu trắng trong như mắt mèo thấy thêm rõ dãi. Anh Ba vốn là cây ba xỉ để, chắc ảnh mê toi! Phấn thâm nghĩ.

Phấn Đen đang sốt ruột thì bỗng tên lính từ trong chòi gác vọt ra: bên trong có tiếng còi xe phom lên vừa đủ nghe. Anh ta chạy lại móc chìa khóa mở khóa, rút sợi lõi tới qua một bên rồi rap người kê vai vào cánh cửa bên trái mà ừ. Cánh cửa từ từ mở hé. Phấn nghĩ thâm, cửa sắt quá nặng, thẳng nhãi bé tí bằng con chần hiu nên đẩy không muốn xuê. Nếu cánh cửa không có bánh xe chắc hắn chịu phép. Tên lính ừ xong cánh cửa bên trái rồi sang cánh bên phải. Để tỏ tình tương thân, Phấn Đen chạy phóng qua đường xấn tay đẩy tiếp. Cái môm sắt há vừa đủ rộng thì một chiếc xe đen như huyền bò ra. Bất chấp tên lính, Phấn Đen phóng nhanh tới, nhưng chỉ kịp nom thấy người đàn bà ngồi ở băng sau, hắn kêu lên:

— Chị Ba! Chị ... Ba!

Chiếc xe điếc, lừ đừ rẽ về phía trái rồi vọt thẳng.

Phấn Đen mừng rỡ xoa tay với tên lính gác: “Đúng chị Ba tôi rồi!” Nhưng tên này không thông cảm với niềm vui của Phấn Đen, vì hai tảng sắt nặng nề kia đang chờ vai hắn khếp lại. Phấn Đen lại giúp hắn một lần nữa, nhưng hắn vẫn không biết điều. Xỏ sợi lõi tới qua lỗ tôn kéo qua, khóa cửa xong, hắn hất mặt với Phấn Đen:

— Đồng chí trở qua bên kia đường chờ! <http://tieulun.hopto.org>

- Để tôi đứng bên này chờ chị Ba...
- Bà Bộ trưởng đi chợ lâu lắm mới về.
- Tôi đứng chờ được mà!
- Tôi đã bảo không được là không được. Đứng ở đây kém mỹ

quan nghe chưa?

Phán Đen lại lùi thúi trở qua bên kia đường làm bạn với gốc me cho có mỹ quan hơn. Nhờ cửa mở mà Phán Đen nhìn thấy được nguyên cái dinh. Ôi chao! To quá là to. Cao quá là cao. Hai tầng lầu một tầng trệt. Ở sao cho hết! Cách Mạng thành công thiệt là vĩ đại! Thân thẳng lĩnh ly hương ra đây ngơ ngáo lạ nước lạ cái, chiếc ba lô là nhà, tấm ván nằm bằng gỗ thì là vợ, vừa chợt thấy dinh thự mà phát ớn. Cho vào ở chắc mình không dám! Phán thầm nghĩ.

Nhớ hồi kháng chiến chống Pháp trong Nam Bộ, Phán Đen chèo xuồng cho anh Ba. Phán được anh Ba chị Ba cưng như em ruột. Phán chèo như máy. Anh Ba đi hội nghị khẩn cấp ở Tân Bưng, ở Chắc Bưng, Cạnh Đèn, đưa chị Ba đi đẻ mấy lần, đưa đám con chị Ba đi chơi, đi học, bất cứ đêm ngày, mưa gió, xa gần đều một cái “máy gân” Phán Đen chạy re re cả. Chỉ cần cơm nguội nước sông châm đầy là máy chạy tốt phải biết. Có cả một lần đi gác-đờ-co cho anh Ba đi hội nghị ở Tháp Mười, hội nghị ăn bom tan tành. Phán đã nằm sấp người lên mình anh Ba để che mảnh bom. Trận đó Phán bị thương nặng, nếu không có Phán, anh Ba khó an toàn. Anh Ba về nhà kể cho chị Ba nghe. Chị Ba khóc. Từ đó, anh chị coi Phán hơn cả ruột thịt. Khi Phán lành vết thương, anh Ba đích thân giới thiệu cho Phán vô đảng. Nếu có em gái chắc anh Ba không ngần ngại gả cho Phán.

Như vậy là quá rồi! Còn đòi gì nữa, đối với một thằng gốc chần trâu nay đi theo Cách mạng như Phán? Thì Phán có đòi hỏi gì nữa. Phán yên tâm, Phán vui lòng. Phán xung phong, Phán tự nguyện làm cái “máy gân” đưa anh Ba chị Ba đi khắp sông nước miền Tây Nam Bộ chẳng hề kêu ca lấy một tiếng.

Nhiều lúc anh Ba thấy Phán cực khổ, anh Ba nói đùa: “Chừng về thành anh em mình nhậu ‘đế’ bò còng một bữa nghe chú!” Tưởng anh nói để động viên mình chèo, ai dè bây giờ về thành

thiệt rồi. Phán vẫn còn nhớ câu nói ấy nên đem chai rượu ra nhậu bò còng với anh Ba cho đỡ nhớ nhà, rồi về rừng móc gốc lim, bụng cũng vui rồi.

Phán Đen đang lan man moi trí, nhớ lại chuyện xưa thì “phom”. Chiếc xe đen lúc nãy trở về. Phán chạy ủa qua nom vào kiếng xe vừa vấy chai rượu, vừa kêu:

— Chị Ba! Chị Ba! Em là thằng Phán, Phán Đen đây!

Rồi sợ người chị lâu ngày và bây giờ quá sang trọng, quên đứa em nghèo hèn, Phán vỗ mạnh vào ngực mình đến đau mà kêu to hơn nữa:

— Phán Đen, cái “máy gân” của anh chị đây!

Bên trong xe, một khuôn mặt phúc hậu viêng trong chiếc khăn xéo đội đầu theo kiểu Nam kỳ hiện ra, hai cái môi đỏ ối cổ trầu nhóp nhép lia lia. Nếu không có tấm kiếng cửa xe quay lên khi quá thì hai chị em Phán Đen đã tay bắt mặt mừng kể chuyện hàn huyên cảm động lắm rồi, nhưng đảng này Cách Mạng lại bỗng dưng có cái tấm kiếng ấy, nó chắn ngang hai chị em, nó làm cho chị em không nghe được nhau, chỉ trông thấy nhau lơ mơ. Chẳng những có tấm kiếng đó thôi mà còn có cả chiếc xe hơi, chiếc xe hơi của đảng, nó không biết nói cũng không biết nghe, nó lăn nhanh giữa hai cánh cửa sắt đã mở, nó đem người chị vào nhà, bỏ đứa em đứng lại vĩa hè trước sự trêu tức của tên lính gác:

— Đồng chí đã gặp chị Ba của đồng chí rồi đó...ó! Hó hó! ...

Phán Đen vẫn còn đứng ngớ ra, chưa định thần lại được.

— Thôi về đi!

Tên lính gác lại rap người, kê vai vào ụi khép cánh cửa. Ủi xong cánh bên này, hấn lại ụi cánh bên kia. Bánh xe sắt lăn ken két trên đường rầy thép nghiêng nát những viên sỏi nhỏ rơi trên đó hay nghiền những mảnh tim của đồng chí chắn trầu, thằng em chèo xuống?

Tên lính xỏ sợi lòi tói qua lỗ, rút mạnh âm âm như cáu tiết vì chưa đầy nửa tiếng đồng hồ mà hấn phải ụi bốn lần cửa sắt cho bà lớn ra vào. Hấn vừa đi lại chòi gác vừa phẩy sét bấm trên vai áo dày cộm đếm đúng ba mươi sáu đường gian khổ của nhà lính.

Phán Đen kẹp nách chai rượu, đưa tay vuốt mồ hôi trán, nghĩ thầm, cách mạng vô sản thành công vĩ đại, nên có nhiều công tác mới lạ quá! Chiếc ghe mũi ống bằng cái lỗ mũi đã biến thành dinh thự nguy nga còn cặp chèo vạm vỡ của chiếc ghe đã hóa ra chiếc xe hơi bóng loáng. Anh Ba chị Ba mình ở trong đó, đi chiếc xe đó, còn mình là cái máy gân, chỉ có máy gân này, vẫn cứ là...

Cánh cửa sắt rung rinh thùng thùng, cắt đứt ý nghĩ viễn vông của anh lính rừng. Từ cái lỗ tột trên song cửa, thò ra một bàn tay múp míp nhưng nhăn nheo.

Phán Đen nhận ra là bàn tay của chị Ba, Phán chưa kịp nắm lấy thì nó đã rút vào, rồi cũng từ cái lỗ đó, một cái mũi sệp và một cái mồm đầy cỏ trầu tranh nhau thò ra, nhưng cái lỗ quá nhỏ, mà tấm tôle chắn trên song sắt lại quá dày, thành thử mũi và mồm đành mắc kẹt tại đó, để cho chị em chỉ nghe thấy nhau như tù và người đi thăm tù:

— Phán đó hả? — Giọng nói của chị Ba bay ra khỏi lỗ tột làm cho thằng em rưng rưng cảm động — đi lại đây em! Mạnh giỏi hả em?

Phán bước lại cửa, nom sát vào để nghe rõ hơn tiếng nói của người chị.

— Em bảo thằng lính gác mở cửa cho em vào.

Phán thấy lên chun với tên lính, đáp:

— Chị biểu nó đi!

Tên lính biết thân nên không chờ sai khiến. Hắn bước ra chòi gác, lướm Phán một cái mắt hờn, rồi móc túi lôi ra một chùm chìa khóa. Cách mạng vô sản thành công vĩ đại để ra nhiều chìa khóa quá. Trước kia, anh Ba chị Ba đâu có cái khóa nào. Nhưng kìa, sao hắn không mở cái khóa to tổ bố ở cổng chính. À, bây giờ Phán mới nhận ra cái cổng sắt chành bành kia còn có hai cái cửa hai bên, cũng cửa sắt nốt, cũng có khóa hần hời, nhưng hẹp như cái miệng hang cá kẻo.

À ra thế, Phán Đen thích thú nghĩ — Cách mạng thành công nên cần nhiều cửa, những ai phải đi bằng cửa phụ hai bên, còn ai đi cửa chính, đều được phân bổ như một trận đánh giặc. Cách mạng phải thế chứ!

Tên lính đã vặn khóa xong, đẩy cánh cửa hé ra, chứ không phải ử vào như cửa chính, hấn trướng mắt ngó Phán. Đợi Phán bước lách qua là hấn giật đánh cốp vào ngay sau lưng Phán. Phán biết đó là sự kém nhả nhận, nhưng mặc mẽ mảy, thẳng Bắc Kỳ con. Ở nhà anh tao, chớ ở chỗ khác, tao cho cái lỗ mũi mảy ăn trầu từ nãy giờ rồi.

Bên trong, chị Ba đứng chờ Phán. Một bầy con gái trắng phau đang chơi cầu lông, bỗng ngừng tay, trở mắt nhìn anh nhà quê đặt bước vào.

- Thằng cha nào vậy má?
- Thằng hốt cầu tiêu đêm qua!

Chúng nó tán đùa với nhau. Chị Ba quát:

— Cha bầy chớ hốt cầu! Chú của bầy đó! Kêu bằng chú Năm, nghe chưa? Há? Không có chú thì ba bầy nát xương rồi!

Phán thấy mình không ăn với cảnh. Dinh thự đồ xộ, cây kiềng cật xén thẳng tắp. Ven rào, ven tường nở đủ loại hoa. Đám con nít mà chị Ba bảo kêu Phán bằng chú, quần áo trắng nõn, mặt mũi hồng hào như tiên đồng ngọc nữ. Riêng đứa con gái lớn thì ú nu ú núc như bà ... Địa. Nó mặc quần tây cụt để lòi cặp đùi, anh nhà quê nhìn mà ngại quá.

Chị Ba chùi cứt trầu rồi nói với Phán:

- Cái con lớn đầu đó là con Nina. Chú không nhìn ra nó sao?
- À, em nhớ rồi. Hồi ở trông...

— ...Nó mới 6 tuổi. Chú dắt nó đi chơi hoài đó. Còn con nhỏ kia là con Nila. Nửa đêm chú chở tôi đi Hộ sanh viện ở Tân Bằng ... nhớ không? Bây giờ...

- ...Tụi nó lớn xộn hết rồi chị Ba!

— Ừ, chúng nó mau lớn quá chú! Đứa học Liên Xô, đứa Trung Quốc đó chú! Nghỉ hè, tụi khác không được về nước, nhưng đám này thì được về! Anh chị còn ba thằng đực đột nữa! Chúng cũng học bên Đông Đức, năm tới mới về chơi. Riêng cái thằng học ở Ba Lan thì chê Ba Lan đòi sang Tiệp Khắc!

- Vậy hả chị! Ba trai hai gái, đủ rồi!
- Còn em, vợ con gì chưa hả Phán?

- Dạ tụi Mán Ba Vì nó còn chê em, ai thêm lấy em chị Ba!
- Mèn đéc ơi! Em bao nhiêu rồi?
- Cứng cại rồi chị Ba ơi. Mặt nhăn trái ổi hết rồi!

Đứng nói qua nói lại một hồi ở ngoài sân, chị Ba bỗng xắn tay áo lên xem giờ. Cái đồng hồ vàng khè, nhỏ xíu không xứng với cương tay phốp pháp của chị. Chị nói:

– Em ở đây nhé. Chị lên coi anh Ba thức chưa, chị biểu ảnh mời em lên chơi.

Rồi vừa lạch bạch chạy lên tam cấp đá hoa màu nâu, chị vừa quay lại bảo:

- Nina, con lên nhà rót trà mời chú Năm con uống đi, con!

Nina ngoe ngoáy bỏ đi, đến gian nhà gỗ ở cuối khuôn viên, nằng co chân tổng một đạp. Hai cánh cửa gỗ bật ra. Nina hát hàm với Phán. Rồi trở lại tiếp tục đánh cầu. Nina đã mời chú nó uống nước bằng cách đó.

Chú Năm Phán của nó đã nhớ ra nó rồi. Hồi ở trông nó mới 6 tuổi. Tên nó là con bé Na, chớ đâu phải Nina, ni niếc gì! Chắc tại học Liên Xô nên có cái tên này! NO, September 6, 2017

Năm Phán đứng ở giữa sân, thấy bất tiện cho trận cầu lông của đám cháu, bèn tự động bước lại ngồi ở bậc dưới cùng của tam cấp ... chờ. Thằng em ngồi chờ người anh để tặng chai rượu — Sao ảnh không nhớ trận bom ở Tháp Mười — Sao ảnh không gọi mình lên hay xuống đây một tí? Bận? Hay vì lẽ gì? Nhớ tới cử chỉ của Nina, Phán xỉ xóa. Cháu nó coi mình như người nhà. Ngồi đâu thì cũng vậy. Hồi ở trông, cả gia đình anh chị và mình ăn cơm chung quanh cái cà ràng ở sau lá ghe mui ống, thì sao.

Năm Phán ngồi ôm tro tro chai rượu trong lòng, mắt ngó chung quanh. Chiếc xe đen khoe sắc ngoài sân, còn một chiếc khác màu xanh lá mạ đang ngủ trong ga-ra. Bên vách, dựng hai chiếc xe máy dầu, ba bốn chiếc xe đạp Bờ-Rô ngã nghiêng lẩn lóc. Chà! Lĩnh ở nông trường mà mua được một chiếc thì treo lên vách để mà dòm chớ không dám cỡi. Tới năm nay, mình vẫn chưa sắm nổi một bánh xe nữa là cá chiếc! Chậc! Cách mạng thành công, sự đời có khác!

Bỗng nghe tiếng xe rồ máy trong ga-ra. Năm Phán giật mình. Chiếc xe phỉ khói đằng đít rồi “de” ra. Nó lùì chậm chậm, đến ngay bậc tam cấp, Năm Phán sợ bị cán trúng nên rút chân, rồi ngồi nhích lên một bậc. Xe dừng lại, cánh cửa xe mở, một người ăn mặc toàn Ka-ki trắng, đầu đội kê-pi trắng lưới trai đen, giống như chân dung đại tướng Võ Nguyên Giáp treo ở các hội trường.

Năm Phán vùng đứng dậy reo mừng, thiếu chút nữa hụt hơi:

— A ... anh Ba...a, anh Ba...a!

Người kia giụi mắt hai ba cái liền, nhìn mặt tên phải gió vừa gọi mình bằng anh Ba. Anh ta hắt hàm, như muốn hỏi: “Mày là thằng nào?”

Năm Phán ngớ ngàng. Không phải anh Ba của hần. Cái hình vóc trung trung hơi gầy thì giống anh Ba, nhưng cái mặt thì không phải!

Thì ra thằng này chỉ là thằng lái xe như bao nhiêu thằng lái xe chở cây chở gạch ở nông trường, chỉ khác ở bộ đồ và cái mao!

Tên lái xe khoác tay cho Năm Phán lùì. Phán không lùì được, vì lùì lên tam cấp là vô nhà, nhưng có ai mời Phán vô nhà đâu — nên phải đi tránh chỗ khác. Phán đến mép cổng, tìm chỗ đứng cho yên thân. Tên tài xế mở cửa xe rồi trụ hình ngay đấy, chờ. Nó cũng chờ như Phán chờ. Nó chờ ông Bộ trưởng. Phán chờ anh Ba.

Từ trên tam cấp, một anh chàng khác hai tay khuân một chiếc mâm lổng chống những chén đĩa ly tách, chân nhẩy hai nấc một như hề. Chừng một phút sau, chị Ba đi xuống. Chị đi xuống thẳng bếp. Chị tưởng thằng em của chị ngồi chơi ở đó nãy giờ. Đồ chừng như vậy, Năm Phán kêu:

— Em đây nè chị Ba!

Chị Ba nhìn ra:

— Ủa, sao em không vô?... — Chị Ba tốp lại kịp trước khi nói hết câu.

— Dạ em đứng đây, coi sắp cháu oánh cầu — Năm Phán nói trở cho đỡ tủi thân, rồi hỏi:

— Anh Ba chưa thức hả chị?

Vừa đến đó, thì tiếng giầy da nện sắc vang lên ở đầu tam cấp. Năm Phán ngó trực lên. Một người đàn ông đầy đà, com-lê nâu, nón nỉ xám, kính dâm đen lừ đừ, oai vệ bước xuống từng bậc đá hoa. Tên tài xế vói tay mở cánh cửa xe rộng hơn cho chủ để chui vô.

— Anh Ba...a! — Năm Phán ú ớ kêu không rõ tiếng lắm, cổ như mắc nghẹn.

Cặp kính dâm ngó về phía Phán. Phán hồi hộp quá. Chắc ảnh đã nhận ra thằng em. Năm Phán ước chừng bây giờ mà ảnh ngồi ghe chắc lái ghe khẳm mẹp, vô nước mát. Phán ôm chai rượu qua một bên, còn một tay sửa soạn chìa ra bắt. Nhưng người anh đã chui tọt vào xe. Tên tài xế đóng sầm cửa lại. Chiếc xe màu lá mạ lại không lùi ra cổng mà chiếc xe đen vừa đi qua. Nó trườn tới, hoành ra mặt tiền của dinh thự và biến mất. Năm Phán mới nhận ra rằng cái cổng sắt to xù này chỉ là cái cổng hậu. Cổng hậu mà thế, cổng trước to cỡ nào?

Cách Mạng thành công rồi cần cả cổng tiền lẫn hậu, khép mở liền tù tử.

Chị Ba thấy tội nghiệp thằng em, bèn đến vỗ về. Chị rí tai Phán:

— Anh Ba em đi họp Bộ Chính Trị mở rộng!

— Thế hả chị? Bộ Chính Trị cơ à?

— Anh đi liền liền, đâu có được nghỉ ngơi gì, em! Hồi ở trông, anh còn khỏe hơn ra ngoài này. Thường đêm, mười hai giờ, một giờ mới về tới nhà, vừa ngả lưng, thì ban bí thư lại gọi, anh lại đi.

— Phải thế chứ! Cách Mạng mà chị!

— Cách Mạng thành công rồi, anh còn mệt hơn đó em!

Rồi chị tiếp luôn:

— Chị có nói với anh là có em ra thăm. Ảnh nói cảm ơn. Để khi khác gặp em.

— Vậy hả chị? Ảnh biết em chưa quên ảnh là được rồi — Năm Phán cười gượng.

— Quên sao được mà quên! Em là em ruột của anh chị mà!

Rồi chị Ba bảo:

— Bữa nay anh đi họp luôn hai ba ngày liền. Em muốn gấp để thăm anh thì ngày mốt, em trở lại, chị bắt anh ở nhà để hai anh em tâm tình cho thỏa mãn.

Năm Phán lắc ngang:

— Em hết phép rồi. Chiều nay em phải có mặt ở đơn vị. Để sang năm em ra.

Đột nhiên chị Ba hỏi Phán:

— Chai gì em cầm vậy?

— Nước lã chị ạ! Ra xứ Bắc này, em chỉ quen có anh chị. Nhiều khi khát thì uống, khỏi xin người ta, khó lòng lại mắc công cảm ơn cảm iếc!

— Cái gì chớ nước lã, anh chị có thừa. Kia kia... Vặn cái là có ngay. Đó, em!

Năm Phán chợt hiểu và thấy chua chát. Tình cảm Cách Mạng bây giờ khác với trước kia. Có lẽ vì thế mà chai rượu đúng chữ trên tay thẳng lĩnh rừng đã biến thành chai nước lã trước rồi, chứ không đợi tới chủ tuyên bố nó là nước lã nó mới là nước lã.

Chị Ba cầm Phán ở lại ăn cơm với gia đình, nhưng Phán từ chối khéo.

Y giờ hẹn, thẳng Thới đã đợi sẵn nó ở bên kia đường, sau gốc me, xéo xéo chời gác.

— Thế nào? Anh em tâm sự mùi rệu há mậy Đen?

Phán lặng thinh, ngồi phếch lên poọc-ba-ga, một tay ôm chai rượu một tay quàng eo ếch Thới.

— Chai rượu còn nguyên à? — Thới quay lại hỏi: — Sao vậy Đen?

— Ảnh với tao uống rốc hết trội đó chớ.

— Sao coi như còn đầy nguyên vậy, Thỏ?

— Tao đổ nước lã vào đó, để đi dọc đường uống, còn cái chai đem về trả cho chủ!

— Hừ! Sao miệng mầy không hôi rượu? Đầu cặc! Láo toét! Anh Ba mầy không thèm ngó cái bản mặt Mán rừng của mầy đâu

mà! Anh em “ruột ... dư” mà có nghĩa đáo gì! Còn “anh Ba” nữa hết? Cho mày học một bài học khôn của Cách Mạng.

Thằng Thối tức thay cho Phán Đen, cái tức mà Phán cũng có, nhưng Phán không dám, hoặc vì bị cái danh từ “cách mạng” nó mị thuật, làm mờ đi, nói ra chỉ thêm hổ ngươi với bạn.

— Nào đi đâu, có đi thăm chị Tư chị Bảy gì nữa cho cái mặt Lọ Nồi của mày đen thêm không?

— Chị Tư nào?

— Chị Tư “nổi ruột”, em của anh Ba “ruột dư” của mày chứ chị Tư nào?

— Thôi, đừng có nói cái giọng móc họng đó!

Thối phóng xe đạp đi. Một chốc, Phán Đen mới buồn rầu bảo:

— Thôi, mày chở tao lại nhà Cô Mười dùm chút!

— Ở đâu? Dượng Mười đèo cháu tới cho! Be he he...

— Ở 308 Trần Quốc ... quốc quốc...

— Quốc gì chứ Quốc Hoàn thì da mày vốn đã đen như da thằng Thổ rồi, đến đó, đời mày sẽ đen như mồm chó mực.

— Trần Quốc Toàn! Tao nhớ ra rồi!

— Ủ, tao cho mày tán thần phát nữa!

Thằng Thối lại gò lưng ra đạp cho Phán tới đó, rồi dừng xe bảo:

— Thôi ở đó rồi về. Tao còn đi ăn cơm, tới trễ hợp tác xã nó đóng cửa, đối thấy bà tao. Mày có ăn chè trôi nước Liên Xô (1) thì đi với tao!

Phán lắc... Phán nhìn kỹ con số rồi bước vào. Dãy nhà ba bốn gian, số 308 ở giữa.

Cô Mười là vợ bé của một nhà điền chủ nổi danh ở miền Tây. Nhà điền chủ này đã hiến cả điền đất cho Cách Mạng rồi đi mất Cách Mạng luôn. Tập kết ra Bắc được vài năm thì bệnh chết. Cô Mười đã ngót 50, nhưng còn xinh đẹp. Nước da mơn mớn. Hồi nhỏ, Phán coi trâu cho nhà cô Mười. Khi trở thành “máy gân” Phán đưa anh Ba ghé lại nhà cô dượng Mười luôn để xin tiếp tế. Lâu

quá, không gặp lại cô, vậy mà trông thấy Phán bước ra qua ngõ, cô Mười đã kêu lên:

— Dữ ác hông, mày đó hả Phán?

— Dạ thưa cô, cháu đây! — Tuy cô Mười không đáng tuổi cô của Phán, nhưng Phán vẫn giữ cách xưng hô theo tôn ti ngày xưa.

— Làm cái gì ở đâu hả Phán?

— Dạ, cháu làm ở nông trường Xuân Mai, cô Mười ạ!

— Vậy đi thăm ai ngoài này?

— Dạ, đi thăm cô chớ có ai nữa mà thăm!

— Nói láo, mày căm thù tao cả đống, cả lên, mà đi thăm tao hả?

— Hỉ hỉ... Cô nói vậy chớ cháu có thù gì cô đâu. Cháu còn muốn đi chăn trâu cho cô như hồi đó nữa đây!

— Thôi, vô nhà chơi! Ăn cơm mắm không?

— Dạ cháu ăn mậu dịch rồi!

Cô Mười dắt thẳng đây tớ cũ vô nhà, bảo nó ngồi ở sa lông rồi xỉ mặt, bảo:

— Mày kéo làm bộ! Lương lính không đủ mua xà bông gội đầu, tiền đâu ăn mậu dịch? Để nhớ Bà Hỉnh, Cái Nước, Đầm Cùn, tao cho mày ăn một bữa mắm kho nghe!

— Dạ cô cho ăn thì cháu ăn!

— Mày vô nấu cơm đi, tao đi ra phố Huế một chút! Mày ôm chai gì vậy?

— Dạ rượu, ủa nước lã!

Phán thấy tự nhiên, thoải mái với người chủ bóp chát, thật tình. Cuộc sống của cô đã thay đổi hoàn toàn. Ngày trước, đừng có nói chuyện cô Mười đụng tới móng tay. Còn cái nhà của cô, thì ôi thôi, hết chỗ nói. Bây giờ chỉ có một căn, bằng cái nhà tắm hồi đó của cô.

Cô Mười cấp rỏ đi ra, độ tới ngõ thì hốt hải chạy vô, mặt mày cắt không được hột máu, cô nói đứt quãng:

— Phán! ... Cháu mần ơn ... cứu cô với!

— Há ... há ... Cái gì mà cô run dữ vậy?

— Cháu ra đóng cửa ngõ dùm cô mau!

Cô Mười nghiêng đầu ngõ ra và kêu lên: — Ấy chết! ... Thôi rồi! Chặc! Ông vô tới rồi!

Phán ngó ra, thấy chiếc xe hơi màu lá mạ đỗ ở bên lề từ hồi nào. Một người đàn ông đầy đà, com-lê nâu, kính dâm đen lù ... hăm hở bước qua ngõ. Phán suýt kêu to, không biết vì mừng hay vì lẽ gì khác, thì cô Mười đã nhào ra chắn ngang cửa, van vì:

— Anh Ba ơi! Em lạy anh mà, anh đừng tới lui đây nữa! Chị Ba hay, coi kỳ lắm!

— Có gì mà ngại, e...em! He ... he...

— Ông nhà em là chỗ thân tình với anh hồi còn ở trống. Còn em với chị Ba là chị em.

— Anh mới đi hội nghị Giơ-ne về, anh có mua cái khăn len này em quàng cho ấm!

— Thôi đi, em không dùng đâu!

— Hoàng thân Boul-Um mua một cái màu vàng, anh mua cái màu xanh!

— Em còn đội tang chồng trên đầu mà khăn khiêu gì anh Ba!

Người đàn ông còn móc túi lấy ra món gì nữa, nhưng cô Mười đã lùi vào trong. Phán nghe rõ cuộc đối thoại chạy ra định nói gì, nhưng bị lú lẫm:

— Anh Ba! anh ...a ...a...

Người đàn ông định bước qua cửa, bỗng dừng lại, trật kiếng nhìn với cặp mắt vừa kinh ngạc, vừa tức giận cái con kỳ đà:

— Mà làm gì ở đây hả?

— Dạ, em đến thăm cô Mười!

— Chồng người ta mới chết, thăm gì?

— Dạ, anh Ba biết, cô Mười là chủ cũ của em mà!

— Chủ gì? Mà định liên hệ địa chủ hả? Lập trường mà để đâu?

Bỗng sấm nổ chớp giăng. Dừng dừng, ầm ầm. Một bản đại hòa tấu bất ngờ nhưng rất kịp thời, một trận đánh có chiến thuật hẳn

hoi. Cửa kính, cửa chớp vỡ tung. Một bà già trầu và một bảy con gái ulla vào.

Cô to béo nhất thấy cái chai nước gì để trên bàn bèn chụp lấy và đập đánh xoảng vào chiếc đèn bàn rồi xông vô buồng cô Mười. Người đàn ông thối lui rồi vọt thẳng ra đường, nhưng bà già đã đuổi theo và niu được vạt áo Tây, vợ được luôn cả cái cà vạt. Ông tri, bà kéo cù nhầy giữa dít chiếc xe màu lá mạ và đầu chiếc xe đen. Phán muốn tông ngã sau trốn quách, nhưng đã đến nỗi này, Phán phải chạy ra liều mình cứu ... chủ. Phán chẳng biết bệnh ai, bỏ ai. Bà chị thì day nghiêng, còn ông anh thì cổ vùng ra. Thấy Phán đến bất ngờ, bà cảm thấy xấu hổ, cơn tam bành có phần giảm nhiệt. Bà cố dẫn xuống:

— Hợp Bộ, Bộ gì? Bộ gì mà hợp trong ... nhà đàn bà góa? — Bà quay sang Phán hỗn hển: — Chị không ghen đâu em. Nhưng chị tức ... anh em và tội nghiệp cho em. Em đã từng lấy thân che bom đạn cho anh, mà nay em đến chơi, chị biểu ảnh mời em lên nhà uống nước. Ảnh nhất định phải đi ngay, đi hợp gấp. Vụ lén phéng này chị biết lâu rồi, nhưng bữa nay chị ức lắm nên mới bắt cho bố ghét cái chơi, chớ ghen chi cho mệt!!

— Thôi đủ rồi chị Ba! — Phán năn nỉ — Chị buông anh Ba ra đi, chị Ba! Kéo người ta dòm vô, coi kỳ cục lắm!

Bà già trầu cực chẳng đã phải tha cho ông, nhưng còn tức, cứ lăm bằm:

— Hợp Bộ Chính Trị mở rộng! Hết rộng tới hẹp, đêm nào cũng hợp tới nửa đêm, hợp, hợp nè!

Cứ mỗi tiếng “hợp”, bà giật mạnh cái cà vạt một phát. Ông ghệt cổ thè lưỡi ra, muốn la mà không dám la.

Mấy đứa con gái đang định hành hung cô Mười bỗng thấy bố chúng đang lâm nguy bèn chạy phóng ra, kêu lên hoảng hốt:

— Má, má thả Ba ra à! Má ...à...

Bà vợ chùng tay, ông chồng được giải phóng. Cuộc họp Bộ Chính Trị kết thúc nhanh bất ngờ. Kết quả cũng bất ngờ. Hai chiếc xe mỗi chiếc phóng một ngã.

Phán Đen lúi thủi trở vào.

Mảnh chai, mảnh kiếng phủ nền nhà. Phán nhìn dáo dác. Cách Mạng thành công rồi, có nhiều cái ... bẻ quá! Cô Mười tỉnh hồn từ trong buồng vừa bước ra vừa hỏi:

— Có mùi gì như rượu vậy, Phán?

— Dạ, chai rượu nhứt của cháu đem cho anh Ba cháu — Phán cúi xuống nhặt cái cổ chai cầm lên tay rồi đứng tần ngần.

— Ủa, sao hồi nãy mà nói là nước lã?

— Dạ, rượu nhứt hóa nước lã mấy hồi, thưa cô Mười! Nước hay rượu là tại bụng người ta thôi.

Cô Mười lặng thinh. Phán chất lưỡi:

— Rượu đổ không tiếc, cháu chỉ tiếc cái chai, cô Mười à!

(1) Bột mì Liên Xô vò lộn, luộc chín ăn trộn với ngô và cơm.

Mười Đòn

Viên thiếu tá chỉ huy trưởng hành quân đang ngồi trên một cái cối giã gạo lật úp giữa một gian nhà trống hoang. Ông vừa cho các toán quân truy lùng các khu vườn khả nghi có hầm bí mật. Mãi không tìm được gì. Ông bật lửa đốt thuốc lá, điếu thuốc chưa kịp cháy thì có tiếng quát ở cuối bờ dừa. Ông ngẩng lên thấy một anh lính đang đẩy một lão già đi tới phía mình.

— Thưa thiếu tá, chúng tôi vừa bắt được tên Việt cộng này!

Viên thiếu tá mấp vội điếu thuốc và hỏi:

— Ở đâu?

— Dạ trên ngọn dừa!

Anh lính lùi lại để vị chỉ huy trực tiếp hỏi cung.

Viên thiếu tá hỏi:

— Anh tên gì?

— Dạ, tên Mười Đòn.

— Tại sao không “độn thổ” mà lại “thăng thiên”, kỳ vậy? Không sợ lạc đạn à?

— Dạ, hầm bị ngập nước, không xuống được, thưa ông.

Viên thiếu tá thấy mớ tóc bạc của hắn mà động lòng. Chắc chắn trên năm mươi. Hết xỉ quách rồi, lại còn ham vui, thả lêu bêu theo mấy thằng giải phóng.

— Anh ngồi đó!

Viên thiếu tá trở ngón tay vào gốc cột, và hỏi tiếp với giọng thương hại:

— Anh trốn có một mình à?

— Dạ! — Lão già vừa dạ, vừa thụt lùi, ngồi chồm lồm bên gốc cột.

— Còn bọn anh đâu? Rủi có bề gì ai giúp cho?

— Dạ tụi nó giỏi dò chạy ra khỏi vùng trục thẳng đỏ quân hết rồi.

— Anh leo dừa cũng giỏi đó chứ!

— Dạ, cà nông thụt điên đầu, suýt chút nữa tôi hụt giò té nhào!

Viên thiếu tá rít một hơi thuốc dài và hỏi:

— Anh làm gì cho Việt cộng?

— Dạ, tôi đồn cho Văn Công Giải Phóng tỉnh — Mười Đồn đáp tỉnh khô.

— Đồn gì?

— Dạ, ghi-ta, kìm, cò, thứ gì đồn cũng ngọt, sến cũng đồn!

— Ngón có tươi không?

— Dạ cũng tạm. Trước kia, tôi đã đồn cho các gánh lớn ở Sài-gòn.

Viên thiếu tá định hỏi “Gánh nào” bỗng chợt thấy một cái gói gã ôm tro tro trước ngực nên hất hàm:

— Anh ôm gói gì đó, lượm đạn cảm tử hả?

Mười Đồn giật mình:

— Dạ, dẫu có, quần áo!

— Anh bận vào đi kéo lạnh.

Mười Đồn mở cái bọc ra. Giữa bọc có một cái túi nhỏ màu đen. Coi bộ lão biết lễ phép. Lão đi ra sân xỏ quần áo rồi trở vô.

— Cái túi đựng gì trong đó?

Mười Đồn mở miệng túi banh ra: một chai nước mắm bằng ngón chân cái, một củ tỏi, một gói bột ngọt, một chai cù là, một con dao sáu lưỡi v.v...

— Nước mắm nhĩ để dành xuống hầm uống cho đỡ lạnh phải không? — Viên thiếu tá hỏi.

Mười Đồn tỏ vẻ ngạc nhiên về sự hiểu biết của viên thiếu tá.

– Nhưng mà chỉ tạm trong vài tiếng đồng hồ thôi! Trường hợp chúng tôi đóng quân trên nắp hầm cả đêm, các anh làm thế nào?

– Dạ, thì chỉ có một cách chết thôi!

– Có ai chết như thế chưa?

– Dạ chưa, ủa có! Nghẹt hơi, chết!

– Dám nín ở dưới hầm tới chết à?

– Dạ bò lên không được thì phải chịu chết. Có khi ngộp quá, muốn bò lên mà không bò nổi.

Viên thiếu tá không hỏi thêm gì nữa. Ông vui vẻ bắt sang chuyện khác.

– “Thăng thiên” sớm chắc chưa kịp ăn cơm sáng phải không?

– Dạ có cơm nước gì đâu, thưa ngài.

Viên thiếu tá bảo anh lính lấy cho Mười Đồn một khẩu phần hành quân gồm có cơm, thịt hộp và nước ngọt. Mười Đồn ngồi ăn và tự nhủ thầm: tưởng hết gặp bạn bè rồi, chẳng ngờ cũng không đến nổi! Vậy mấy thằng Bắc kỳ chuột nhắt vô tới đây cứ bảo với bọn lão là quân nguy Sài-gòn ác lắm. Ở Bến Tre tụi Sư Đoàn Bảy mổ ruột thanh niên lấy lá gan xào nhấm rượu. Lão không tin chuyện kỳ cục đó, nhưng chúng nó bảo là trung ương đảng đã có tài liệu “*Những lá thư từ tuyến đầu tổ quốc*”(1) nói rõ sự dã man ấy. Chúng nói mãi rồi Mười Đồn cũng ghi vào óc, rồi sợ. Cái lưỡi của bọn Ba-Ke nguy hiểm thật. Chuyện không có, nó nói mãi cũng phải tin, không tin là kém lập trường.

Mười Đồn ăn uống xong, viên thiếu tá hỏi:

– Anh hút thuốc chớ?

– Dạ, ghiền nặng!

– Thuốc thơm lạt, các anh hút không “ghê” phải không?

– Dạ, không có thuốc gò thì thứ gì cũng dặng.

– Lạc đà nè, làm bậy một điếu.

Viên thiếu tá móc gói thuốc đưa và bật lửa cho lão đốt.

Mười Đồn đã no bụng, áo quần ẩm áp, lại có điếu thuốc phì phèo trên môi. Lão nhớ lại lúc leo cây dừa mà ròn tóc gáy. Miếng

ca nông phang vun vút trúng thân cây nghe bứt bứt, bay qua lá nghe sạt sạt. Mười Đờn bám được bẹ dừa thì hết gân, không trườn lên ngọn nổi, nhưng cố rì ở đó để lấy sức. Chẳng ngờ trực thăng nhanh quá. Lĩnh đã tới và có tiếng quát dưới chân.

Mười Đờn được huấn luyện kỹ, hề thấy nguy khốn sắp chết thì phải hô Hô Chỉ Minh muôn năm để kết thúc cuộc đời, nhưng lúc đó, ngó xuống thấy mũi súng chĩa lên. Mười Đờn cứng họng, không hô hào gì được, mà chỉ nói gọn hơn:

— Dừng bắn tội nghiệp, để tôi xuống.

— Ai bắn làm gì cha nội! Xuống mau! Nè, coi chừng trật giò té lọi họng!

Bây giờ thì Mười Đờn thấy khỏi phải hô gì nữa hết ráo. Có gì nguy khốn nữa đâu. Trời chiều vắng ngắt bốn bề. Cuộc hành quân tạm kết thúc. Theo lệ thường thì đơn vị rút về tỉnh lỵ, nhưng hôm nay, không hiểu sao lệnh trên lại bắt nằm lại ở đây. Viên thiếu tá vẽ sơ đồ cho các đơn bị bố trí phòng ngự căn mật, lấy ngôi chòi làm chỉ huy sở.

Xong, ông ta xếp chỗ các bộ phận trực thuộc như thông tin, y tế chung quanh chỉ huy sở rồi mắc võng nằm nghỉ. Người lính cận vệ của ông hỏi:

— Thưa thiếu tá, còn lão già kia, mình cho đi ... đâu?

Viên thiếu tá mới nhớ ra cái cục thịt thừa đó, bèn hất hàm hỏi lại:

— Cậu thấy cho đi đâu bây giờ?

— Lão ta nói là lão biết đờn, vậy thiếu tá thử xem lão có nói thiệt không? Biết đâu lão là cán gộc mà khai láo để nhẹ tội đó, thưa thiếu tá!

— Đờn dịch của anh đâu, đem ra coi! — Viên thiếu tá bảo.

— Dạ, tôi dấu trong đồng củi dừa. Phải nhảy liền bảy cái mương mới tới đó — Mười Đờn nói xong, trỏ tay ra bờ dừa.

Viên thiếu tá sai anh lính đi moi cây đờn đem vào. Quả thật, cây đờn kìm.

— Anh đờn thử nghe coi. Anh nói anh thiện nghệ cây kìm hả?

— Dạ!

Viên thiếu tá nghĩ tiếng đàn là một loại âm thanh vô tư. Nó không có phương hại gì đến ai hết. Và người đồn, ở bất cứ phe nào, hễ đồn hay thì người nghe vẫn thích. Bây giờ trời còn sáng. Bọn mã tấu có mò mẫm thì cũng đợi lối 11-12 giờ, chờ lính ngủ say mới dám tấn công. Nghe vài bản cho nhẹ cái đầu. Vả lại, nhưng cậu cận vệ nói, xem nó có khai láo không?

Ông bảo Mười Đơn:

— Anh ngồi lên đít cối giã gạo kia kìa, đồn một bản nghe.

— Dạ — Mười Đơn lấy vạt áo phẩy bụi trên mặt đồn rồi vịn trực, lên dây.

— Anh có tài đồn, sao không ở thành đi theo các gánh hát kiếm ăn có phải dễ hơn không? Già rồi, gân cốt đâu mà chạy đua với trực thăng?

— Dạ, tại thời cuộc nó đẩy đưa, chớ bụng tôi cũng không muốn.

Mười Đơn lên dây xong, bắt đầu rao rao vài tiếng rồi lễ phép:

— Dạ, quý ông muốn thưởng thức bản chi, tôi xin đồn hầu ạ!

— Bản gì sở trường thì làm vài bản.

— Lão già này ăn nói sao giống y như người Sài-gòn vậy? — Anh lính lẩm nhẩm.

Ông già lễ phép:

— Dạ, tôi không nói dấu chỉ thiếu tá, tôi năm nay 55 tuổi. Tôi biết đồn hồi 13, cho nên bản ngắn, bản dài, bản Nam bản Bắc gì tôi đồn cũng xôm hết. Bởi vậy, tôi có cái tên Mười Đơn, chớ đó đâu có phải là tên cha mẹ đặt!

— Ra khu, chắc lấy tên Quyết Thắng hay Xung Phong chắc!

— Viên thiếu tá trêu.

— Dạ, không! — Mười Đơn cúi xuống đáp — Mười Đơn vẫn còn nguyên Mười Đơn, tôi không đổi — rồi tiếp luôn — Tôi đồn cho hăng đĩa Hoành Sơn ở Sài-gòn hồi trước mất ba năm. Sau đó, mới ra theo gánh đi giang hồ cho vui.

— Chắc ông đồn vọng cổ mùi rệu phải không ông già? — Anh lính xen vào.

— Vọng cổ là phải đồn mùi rồi chứ chú em! Nhưng đặc biệt tiếng “XANG” gặp Mười Đơn này *nhấn* thì ôi thôi đàn bà có chồng

cũng phải bỏ chồng ôm gói theo tôi nữa đó, chú em. Mấy đứa Văn Công buồn buồn muốn nghe đờn, thường bảo tôi: “Chú Mười, *chó đẻ sáu con đi*” – Lão già thấy tình thế không căng thẳng nên nói năng khá tự nhiên.

Viên thiếu tá hỏi:

– Chó đẻ sáu con là cái gì?

– Dạ ... là *nhấn* chữ XANG đó!

– Chữ XANG là chữ XANG chó sao nói chó đẻ sáu con, nghe kỳ vậy?

– Dạ, nó thế này, thưa thiếu tá! – Mười Đờn thấy viên thiếu tá dễ dãi nên sự sợ hãi biến dần và lão trở nên vui vẻ. Vừa nói, vừa sửa bộ ngồi, rồi khảy và bỏ ngón. Những ngón tay khô cằn bám riết trên hai sợi dây gân, khi buông chùng, lúc căng thẳng. Một chốc, lão ta ngưng và nói:

– Nhạc cổ ta có ngũ âm: HỒ, XỰ, XANG, XÊ, CỐNG. Theo tôi, trong mấy tiếng đó tiếng XANG là khó đờn nhất.

– Khó là đành rồi! Cây đờn không phải ai cũng cầm được, nhưng sao lại kêu là chó đẻ!

– Một con Mực, một con Vàng, một con Đốm, một con Vện, một con Luốc, một con Cò... – Anh lính xen vào – Thưa thiếu tá, chắc sáu con đủ các sắc lông chạy một bầy. Có phải vậy không ông già? Ha ... ha ... ha ...!!

– Chú em nói có duyên quá! Nè, nghe nè “Xang, xáng, xàng, xảng, xạng”, chú em nghe chưa? – Mười Đờn hơi quạu trong bụng nhưng cố vui ngoài mặt. Anh lính vừa lặp lại vừa tính nhẩm rồi nói:

– Như vậy chó cũng chỉ đẻ mới năm con thôi, ông già, đâu có sáu!

– Còn một “con” là giữa *xảng* và *xạng* không phải *xáng* mà cũng không phải *xạng*. Nghe đây nè! ...Chú em nghe ra không? Nửa *xảng*, nửa *xạng*...

– Tôi nghe *xảng* cũng như *xạng* mà *xạng* cũng như *xảng*!

– Chú em phải nghe cho thường thường thì mới nhận ra sự khác nhau chút tí đó.

— Còn muốn đơn được chữ XANG như anh thì mất bao lâu?
 — Viên thiếu tá hỏi.

— Dạ, tôi không nhớ là bao lâu, nhưng đời tôi phải bấm mòn vô nửa lóng tay!

— Hay lắm! Thôi bây giờ làm nguyên một bản đi!

— Dạ tôi “rao” rồi qua luôn vọng cổ cho thiếu tá nghe chơi đỡ mệt.

Mười Đơn bắt đầu trở tài. Lão càng đơn càng mọt xuống cần đơn. Những ngón tay bay lượn trên phím trúc, đôi dây tơ run rẩy bật lên những âm thanh uốn éo ngân nga, lúc trong lúc đục, lúc bay bổng, lúc trầm tư, nhiều lần ngón tay dừng lại ở một phím để biểu diễn ngón độc đáo “chó đẻ sáu con” cho ai nấy thưởng thức qua chơi.

Mười Đơn đã lấy được hứng, vừa đơn vừa nói:

— Để tôi đơn ca luôn cho đủ bộ.

Viên thiếu tá thấy lão già quá tình có ngón đơn rất tài hoa, nên muốn nghe thêm, bèn hỏi:

— Bản gì?

— Dạ “*Quan Công Phục Huê Dung Đạo*”. Dạ, đó là lúc Tào Tháo bị đuổi, chạy tới Huê Dung.

— Ủ, làm đi nghe chơi! Tôi biết tích đó từ hồi bà ngoại tôi dẫn tôi đi coi ở gánh Bầu Lúa.

Mười Đơn vừa đơn vừa ca say sưa. Hình như lão không đoán nổi sau khi tiếng đơn dứt rồi “tiếng gì” sẽ tới, nên lão cố kéo dài giờ phút bình yên của lão bằng ca hát. Lão trở hết tài và tiếng đơn làm những người nghe phải mê mẩn, phút chốc, quên hết sự đời.

Khi “*Tào Tháo đã thoát khỏi Huê Dung Đạo nhờ tình võ thượng của Quan Công*” thì trời đã sụp tối. Tối hẳn. Cái màn đen không hứa hẹn điều gì tốt lành cho lão.

Viên thiếu tá ngồi bật dậy, móc thuốc thơm mời lão sau mấy câu khen ngợi:

— Làm một điệu đi. Rồi...

— Dạ — Một tay ôm đơn, một tay khúm núm rút điệu thuốc, lão già suy nghĩ lung tung.

— Tôi rất tiếc là tôi không thể làm Quan Công ở Huê Dung Đạo được — Viên thiếu tá nói. Mười Đồn đang đưa điều thuốc lên môi, bỗng rụng rời, làm rơi xuống đất.

— Tôi muốn bắt chước Quan Công “Hạ Mã bắt sát” nhưng — Viên thiếu tá ngập ngừng — Anh đã không xuống ngựa mà lại bị bắt quả tang.

Mười Đồn run từng miếng thịt. Lão buông cây đòn đánh bộp xuống đất rồi ngồi chết đĩnh. Cái ruột gà trong thùng đòn kêu ren ren hồi lâu mới dứt, nhưng trái tim lão cứ run hoài như muốn rụng.

— Cứ bình tĩnh hút hết điều thuốc đó đi — Viên thiếu tá cười nói, rồi quay bảo anh lính — Cậu ra gọi Thiếu úy tiền tiêu vô đây tôi bảo.

Viên thiếu úy vào chào kính. Ông nói ngay:

— Cậu đem tên Việt Cộng ra đồng trống bắn bỏ!

— Tuân lệnh — Viên thiếu úy nhận lệnh một cách hùng dũng.

— Cho hai người dắt nó đi trước, thiếu úy ở đây tôi dặn thêm vài điều.

Hai anh lính nắm tay lôi Mười Đồn đi chưa khuất, ông đã nói to:

— Nghe rõ lệnh của tôi này: bắn bằng trung liên, bắn cho thiệt chết, nghe chưa? Trước khi bắn, anh dặn nó, đi đâu thai kiếp khác, đừng có làm Việt Cộng nữa nghe chưa? Đây là tên Việt Cộng nguy hiểm.

Rồi ông vẫy viên thiếu úy đến rỉ tai.

Mười Đồn bước đi trước mũi súng của hai anh lính, tai còn nghe rõ từng tiếng lệnh của viên thiếu tá. Chân lão bước thấp bước cao, tai nghe ù ù như ngàn trận cuồng phong thổi thốc vào. Lão nhớ lời dặn của cấp trên: Phải hô ...“muôn năm” khi gặp nguy khốn. Lão há mồm thử trước khi hô. Nhưng khi mồm vừa há ra, lão nghe hai hàm răng khua lóp cốp với nhau. Lão phải ngậm lại, cắn khít răng để chúng khỏi khua to nữa. Cây đàn dựng bên cối giã gạo đứng đó cũng rung mình như đã biến thành góa phụ trước khi hồn chồng qui Diêm đài.

Viên thiếu tá nằm trên vống hút thuốc, phun khói mịt mù trùm kín cả đầu vống. Độ hút tàn điếu thuốc thì nghe loạt trung liên dội lên ngoài đồng trống. Một loạt dài, rồi một loạt ngắn gọn tiếp theo. Rồi im bật. Anh lính cận vệ buột miệng nói: “Thằng cha già đờn giỏi ghê! Uống quá thiếu tá!”

*

Lão già ngồi ở phòng chờ đợi từ sáng tới trưa mà chưa thấy người nào ở phòng quản giáo ra báo cho lão biết là lão có được thăm người nhà của lão hay không? Một người đàn bà sồn sồn và hai người đàn bà trẻ cũng lóng nhóng như lão, nhưng không ai nói chuyện với ai.

Lão đứng dậy, bước ra ngoài, ngóng cổ nhìn vào trong trại. Đây là lần thứ một trăm chín mươi chín, cũng là lần thứ một trăm chín mươi chín lão thấy hy vọng được gặp người nhà để “thăm nuôi” rất mong manh.

Mãi tới chiều, mới có một tên vệ binh mặt non choẹt, vàng ệnh đi ra. Anh ta đứng ngoài cửa phòng, đưa mẫu giấy con lên lắm nhảm. Xong, hất hàm vào đám người đang ngồi đút ruốt trông chờ sự có mặt của hắn.

— Ai tên là Xang, Xàng, Xáng gì đầu? — Tên vệ binh căng mắt cố đọc.

— Dạ, Nguyễn Văn Xang là tôi — Lão già đứng bật dậy, mừng muốn khóc, đáp:

— Hình như có dấu sắc hay dấu huyền, hay có cả dấu nặng nữa.

— Dạ ... dạ ...!

— Đồng chí là nhân viên Văn Công Thống Nhất à?

— Dạ phải!

— Sao cây ngọt mà trái đắng nhỉ?

Lão già tên Xang kia phát khùng lên, tưởng có thể tát tai thằng con nít, nhưng lão đành giả dại qua ải cho xong. Mô lên tới cái trại V4C3 này đã lờn đờm ra rồi, còn hơi đầu mà cãi lộn? Cù nhây với cái đám Ba-Ke con này khó lòng lắm. Bất cứ ở chức vụ nào, từ tổ

trường ba người trở lên, chúng nó đã biết cách hoạch học ra oai, bắt nọn để kiểm soát rồi.

Đúng ra, lão cũng chẳng phải là “cây trái” gì cả. Người nhà mà lão đến thăm nuôi, hôm nay là một thiếu úy “ngụy” gọi lão bằng bác ruột. Cả hai bố con nó cùng đi tù. Bố một nơi, con một nơi. Mẹ và các em nó bị đuổi nhà đi đâu, lão Xang không rõ. Xót thương giọt máu cùng dòng, lão tạm xài chút uy tín của “cán bộ cách mạng” đi thăm thẳng cháu cải tạo.

Lão là một cái cây sai trái. Vợ lắm, con đông. Thời vàng son lão đi theo các gánh hát cải lương lớn đi khắp các tỉnh Tiền Giang, Hậu Giang. Đi gánh nào, lão có vợ ở gánh đó. Đi đến tỉnh nào lâu lâu, lão có vợ ở tỉnh đó. Các bà, các cô mê cái ngón đòn tươi như hoa của lão, và đem thân làm đòn cho lão bỏ ngón một cách dễ dàng. Vì có quá nhiều, lão đâm ra chẳng có gì hết. Anh chơi chớ để như vậy nên ... chẳng em nào chịu ở lâu với anh.

Em cuối cùng lão dớp hụt lại là vợ bé của ông bầu gánh hát. Cô đào thương xinh đẹp và ăn khách nhất của gánh nhà. Ông bầu bắt được lúc lão sửa soạn bỏ ngón chớ để ... cổ hữu của lão lên cây đàn không dây muôn điệu. Ông bầu định đưa lão ra tòa. Lão bèn giận dỗi, giận đàn bà, bỏ thành trốn ra “chú khiến” cho đời biết mặt.

Lúc đó, mặt trận còn đồ vừa được thành lập, đang cần người. Lão nhào vô đúng lúc nên được xài ngay. Tóc lão cũng đã muối tiêu rồi, nhưng lại nhờ các ngón chớ để, lão lại cua được bà Vũ đạo của đoàn mới bắm ngoài. Rồi hai đàn ông có con. Bà Vũ đạo ở nhà. Còn lão đi vòng quanh các quận hát xướng đàn địch với đoàn Văn Công. Nhưng chẳng hiểu bà Vũ đạo ở nhà múa cái màn gì mà một hôm, ông chồng về bắt gặp. Khác với người thường, đánh vợ bằng võ Tàu võ Tây, lão đập vợ bằng cây đòn kìm. Cái đầu bà Vũ đạo lọt tuốt vào thùng đòn, kẹt cứng gỡ không ra, bà ta la làng chửi trời đất.

Bà ta mắng chồng là đế quốc, là thực dân, là phong kiến. Nhưng chỉ đầu hôm sớm mai, bà ta nháy xuống dò máy về thành ở luôn với đế quốc ... cho đến ngày họ nhà cộng ngáp phải ruồi đại thắng mùa Xuân.

Lão lò mò trở lại đô thành xưa, vác cặp đũa đi xuống đi lên để tìm mụ Vũ ... đạo. Hai bên có gặp nhau, nhưng tình hữu nghị đã đến lúc nhạt phèo, đường ai nấy cút. Đứa con bốn, năm tuổi biết lão là ai mà nhìn? Thành ra, lão đã ngót lục tuần mà chẳng có nơi nào, cũng chẳng có ai để lão tựa lưng hoặc giúp lão đỡ cái mặt trời chiều đang trĩu xuống. Mười năm lìa bỏ cuộc sống sung túc thị thành, ngày nay, lão đã rõ được nhiều điều về cách mạng. Kêu gọi hy sinh thì dễ, hy sinh thì khó. Những kẻ kêu gọi hy sinh chắc đã hy sinh? Vợ con, quyền lợi, địa vị?

Bây giờ, lão trở thành tên vô sản — hay bạch đinh cũng thế. Đời lão chỉ còn một chỗ tựa tình cảm, đó là thằng cháu ruột thiếu úy “nguy” này thôi. Lão đoán chắc nó không yêu lão, nhưng nó phải dựa lão để họa may cái cuộc sống tù uất ứ rút ngắn được đôi ngày chẳng? Vậy cũng được. Cho nên lão chịu khó đi thăm nuôi.

...Lão nhớ lời mách bảo của một người có kinh nghiệm “thăm nuôi”. Lão lật đật tuột chiếc đồng hồ đeo tay đưa cho tên vệ binh, nói nhỏ:

— Tôi có chiếc đồng hồ này. Nó chỉ chạy không đúng giờ, khi nào đồng chỉ có dịp, đem đi sửa dùm tôi. Rồi móc túi lấy tiền dúi vào tay hắn — Đây là tiền công, đồng chỉ cầm lấy!

Tên vệ binh cầm lấy và nhận lời đi “chữa” giùm cái đồng hồ cho đồng chỉ hắn, có cả tiền công dính kèm, trước mắt mọi người, rất công minh, chính đại và đúng chính sách. Chiếc đồng hồ chữa chưa xong, lão già đã gặp được thằng cháu.

Thoạt tiên, lão nhìn không ra. Mới có một năm, mà chàng thanh niên khỏe mạnh đã hóa thành một con ngòm. Nhìn nó, lão thấy lão có tội. Lúc về thành, lão có gặp nó. Nó dùng dằng không chịu đi trình diện với cách mạng. Lão khuyên thằng cháu rất chỉ tình:

— Cháu chỉ mang cấp bậc thiếu úy, không có gì đáng ngại. Hơn nữa, cách mạng đã tuyên bố chỉ học tập hai tuần thì đúng hai tuần. Bác theo cách mạng, bác hiểu cách mạng, cháu cứ tin bác. Bác nói láo, con nít là bao nhiêu, bác ăn hết!!

Chàng thiếu úy tin thẳng cha bác hiểu cách mạng, cho nên thay vì chui tàu ra ngoại quốc, nó lại vác chiếu đi trình diện. Một năm

qua, nhờ cách mạng khoan hồng vượt mức kế hoạch, bác cháu mới được gặp nhau.

Lão lấy thùng quà để trên băng và mở ra soạn các món để khỏi nhìn cháu mà hổ ngươi cho thẳng bác và ngượng giùm cho cách mạng.

Lục cục lòn hòn đủ thứ. Một gói đường thẻ, một gói bột ngọt, một ống ký-nin viên, một chai aspirin chữ nổi, một bộ bà ba đen, một áo thung ba lỗ cũ, bốn cái quần cụt cũ, một trục chỉ, một mảnh vải đen, trên đó ghim cả chục mũi kim, một cây kim châm nón, một bó quai dép cao su, hai thân dép cũ nằm gọn trong một cái soong nhỏ và một lô các thứ hăm bà lằng tể nhuyển khác.

Bống lão vỗ trán kêu:

– Ấy chết, bác quên thuốc kiết lỵ rồi!

Thằng cháu choáng mắt vì đông quà trước mắt. Cách mạng quy định mỗi người thăm nuôi không được quá ba kí-lô quà, nhưng số này có đến ba kí rưỡi. Nó lắc đầu:

– Nhiều quá rồi bác. Với những thứ này cháu sẽ bị kết tội là tư bản đó bác.

– Không sao đâu, bác có nhiều cách thông cảm quản giáo. Cháu cứ yên chí!

Tuy sợ quà quá nhiều, nhưng tin rằng bác mình có cách thông cảm quản giáo, nên thằng cháu yên chí tức khắc và còn đòi thêm:

– Nếu bác có thể thì tìm cho cháu một ít *Ri-mi-phông*, hoặc *Strép-tô-mi-cin*.

Lão già ngó thẳng cháu. Nhưng nó nói ngay kéo bác hiểu lầm:

– Dạ cháu chưa ho lao, nhưng cháu có một người bạn cùng toán bị nặng, mà không có ai thăm nuôi. Tội nghiệp hết sức. Sáng bữa nào trước khi cuộc đất, ông cũng khắc đơm phun vào gốc cây rồi bảo cháu: Mày coi bấy nhiêu máu đó, phổi tao như cái rở sảo rồi! Hết đơm xanh, tới đơm vàng, bây giờ tới đơm đỏ. Ra tới đơm đỏ là thấy ông vái rồi! Đơm đỏ, khắc hoài còn hoài, ghê quá!

Thằng cháu vui vẻ kể tiếp:

– Ông kể chuyện hay một cây. Đêm nào ông mệt không kể được, cả toán buồn tênh. Cháu coi ông như một người anh, một

người bạn chí thân. Một hôm, hai đứa đi lao động chung, trời nắng như đổ lửa, hai đứa bỏ cuộc ngồi dưới bóng cây xả hơi. Một tên, ủa một ông vệ binh, nhặt một cục đất, ném trúng đầu ông và quát: “Đồ lười, đi cuộc mau lên!” Tối về ông nghiêng răng với cháu: “Mày ơi, tao từng bắt sống cả chục tên... Nhưng tao chưa bao giờ đối xử tàn tệ với chúng nó. Dù khác lý tưởng, nhưng cùng nòi giống...!”

Thằng cháu thấy ông bác có vẻ xúc động, nên nói tiếp:

— Ông tâm sự với cháu, có lần ông thả cả một tên VC già bị bắt quá tang!

— Thế à! — Lão già giật nảy người, trợn mắt như mắc kinh phong.

— Đáng lý ông đưa lão ta về giam ở khám hoặc có thể bắn bỏ cũng được, nhưng ông lại thả.

— Thế à? — Lão già suýt thét lên — Bộ không ai thấy sao mà ông ... ông dám làm vậy?

— Ông là chỉ huy trưởng hành quân! — Thằng cháu đáp — Lúc đó, ông đeo lon thiếu tá, sắp vinh thăng trung tá. Hành quân độc lập, có ai cao cấp hơn ông đâu.

— Sao thả kỳ vậy?

Lão già bắt đầu gạn hỏi. Thằng cháu ngó quanh. Máy người đàn bà trong phòng chờ đợi đã bắt chước kiểu lão già, gởi đồ cho vệ binh “sửa giùm” nên thân nhân của họ cũng đã ra gặp, đang xem quà và trò chuyện râm ran, không ai chú ý tới ai. Yên trí lớn không có ăng-ten, thằng cháu kể tiếp:

— Vì tên Việt Cộng kia đờn hay lắm. Theo lời ông thuật lại thì hắn bị bắt với cây đờn kìm. Ông thấy nó già rồi, và lại, nó chỉ đờn thì chẳng hại gì ai. Nên ông bảo nó đờn nghe chơi. Nó đờn xong, ông ra lệnh...

Chuyện tới đó, thì tên vệ binh lại thôi ra. Hắn giục:

— Nhanh lên! Quá giờ rồi! — Và vung tay lên xem giờ trên mặt cái đồng hồ lão vừa nhờ hắn đem đi sửa giùm, rồi bỏ đi.

Lão bảo thằng cháu:

— Thôi, cháu gom các gói vào thùng vô đi kéo phạm nội quy, kỳ sau, gặp khó khăn với cách mạng.

Thằng cháu gom các gói vào thùng rồi khệ nệ ôm lên. Với giọng xúc động:

— Cháu cảm ơn bác! Với các món này cháu sẽ lấy lại sức khỏe!

Lão già cúi đầu suy nghĩ một chốc, rồi run run nói:

— Bác gọi lời thăm ông bạn cháu nhé! Chia cho ông một ít ... nghe cháu!

— Dạ! — Thằng cháu còn đứng nán lại nói tiếp: — Ông tâm sự với cháu, ông biết, ông thả địch quân giữa trận tuyến như thế là có tội, và ông cũng dư biết, nếu địch quân bắt được ông thì chẳng bao giờ tha ông đâu, nhưng trước một cái chết, ông nghĩ đến nhiều thứ: vợ con, cha mẹ, nước mắt...

Tên vệ binh từ đâu lại thời ra, xía mồm vào:

— Lũ mày đại như lửa! Chúng tao chẳng bao giờ mất lập trường bạn thù như thế!

Thằng cháu lẳng lặng rút lui. Lão già ngồi lại một mình trên băng gỗ, lưng tựa vào vách, đầu nghẹo một bên. Lão muốn nhớ lại một điều gì. Lão mơ màng.

Một tiếng vọng từ xa thăm dò về, rõ ràng từng tiếng như ai nói bên tai lão.

— Bớ tên VC già kia! Mi có biết tên VC được phóng sanh đó là ai chẳng? Để ta nhắc cho nghe này! Trí nhớ của mi kém quá!

...Buổi chiều hôm ấy hấn bị bắt, nhờ ngón đòn tươi “chó đẻ sáu con” mà hấn thoát chết. Viên thiếu tá bảo hấn đòn nghe chơi giải buồn. Đòn xong, hấn còn ca. Hấn đã tưởng mười phần chết đủ mười nên cố kéo dài mạng sống của hấn bằng vỏ tuồng “*Quan Công phục Huê Dung Đạo*” có ý muốn nói với viên thiếu tá rằng nên khoan dung với kẻ sa cơ thất thế.

Viên thiếu tá hiểu ý hấn. Nhưng khi hấn ca xong, ông ta lại hạ lệnh dem hấn ra đồng trống, bắn bằng trung liên, bắn cho thiệt chết!

Hấn bị lính dắt đi, tai còn nghe rõ lệnh bắn, hấn đá cả ra quần mà không biết. Ta nhắc lại cho, kéo loài hấn có tính dễ quên ơn người.

Chắc mi biết tên VC đó là ai chứ? Nhớ ra rồi chứ? Bị lôi ra giữa đồng trống, màn đêm đen kịt, hấn không bước nổi nữa. Hai người lính xô hấn xuống mặt ruộng khô đầy gốc rạ. Một tràng trung liên nổ, hấn nằm úp mặt. Chờ nghe đạn trung liên xuyên lưng, chờ mảnh linh hồn, như con diều đứt dây bay bổng, lìa khỏi xác. Nhưng hấn đã không ăn đạn. Viên thiếu tá tội nghiệp cái thân già hấn, ông ta tiếc ngón đòn chó đẻ, nếu giết hấn, thì cuộc đời sẽ mất đi một tiếng đàn, cho nên, loạt súng chỉ là sự dàn cảnh cho cuộc phóng sinh tên VC già. Rủi cho ông ta, có người báo cáo về Bộ Tư Lệnh Quân Đoàn. Cuộc hành quân kết thúc, ông ta về lãnh ba tuần quân lao và bị đánh trệt xuống trung úy. Thì có khác gì Quan Công sau khi tha Tào ở Huê Dung Đạo về, suýt bị xử trảm! Phải không mi?

Lão già gật lia lịa:

— Vâng ạ! Có khác gì đâu ạ!

Tiếng vọng tiếp:

— Vậy nên ta có thể bảo thẳng với mi rằng cái lượng khoan hồng của Đảng vĩ đại nhà mi đó, tom góp, mót mảy tất cả lại đem đặt xuống đất cũng sẽ không cao hơn cái đuôi con ngựa Xích Thố của anh tướng Tàu sống cách đây vài ngàn năm. Huênh hoang, rêu rao làm cái con mẹ gì cho thêm cao đuôi ngựa!

— Vâng! Vâng! Thêm cao lên cái đuôi ngựa! — Lão già tâm đắc lại gật đầu mạnh hơn...

Nhưng lão nghe ai đập trên vai lão. Lão mở choàng mắt ra: Đồng chí vệ binh của lão đang đánh thức lão. Thấy lão tỉnh dậy, hấn hát hăm:

— Đây bác Xang! Đồng chí Xang! Nói nhảm gì thế hử?

Lão ngơ ngác bàng hoàng. Tên vệ binh gạn hỏi tiếp:

— Bác nói gì ... “thêm cao lên đuôi ngựa” hả bác Xang?

Lão già vẫn ngồi trơ trơ, bàng hoàng ngơ ngác. Một chốc, lão lắc đầu:

— Có ai là Xang, Xạng gì đâu đây?

— Mơ à? Sao giấy giới thiệu ghi Nguyễn ... Xang?

— Á à ạ! Xang, Nguyễn Xang là tên kiếp này của tôi. Còn kiếp trước, tôi tên khác đồng chí ạ! Hì ... hì... Lão già quơ tay chung quanh như tìm vật gì, giữa sự ngạc nhiên của tên vệ binh. Lão nhìn hẩn chòng chọc:

— Cậu biết không? Tôi đã đầu thai, chui qua họng súng nung đỏ của kẻ thù. Sau khi trở lại dương trần, tôi bỏ ngay tên cũ, bỏ cả họ, lấy tên họ mới để nhớ đời cái lần đầu thai khỏi ăn cháo LÚ đó của tôi.

1985

Con Người, Vốn Quý Nhất!

NO, September 6, 2017

Anh văn sĩ mở mắt ra nhìn lên: vách đá dựng đứng như Ma Thiến Lanh. Nhìn xuống đất vống: những hòn đá lởm chởm như những lưỡi cày xóc ngược. Đằng kia một cái vống im lìm, rồi kế đó một cái vống im lìm... Những chiếc vống nổi thành một nửa vòng cung vây chân núi.

Anh văn sĩ muốn cất tiếng kêu, nhưng lại thôi. Nằm im có lẽ dễ chịu hơn bởi vì nổi u buồn chỉ có một nét cảm, còn đánh thức cả bọn dậy, đứa méo mặt kêu sốt, đứa than ỉa ra máu, cô nọ ôm chân mếu máo, trăm hoa đua nở càng thêm thối chí.

Nghĩ vậy, anh văn sĩ lại rụt cổ vào chần và kéo vách mừng phủ lên cho sự im lặng được thọ hơn. Nhưng vừa chui vào mừng xong thì có tiếng rên lạ lùng làm văn sĩ giật mình thoi đầu ra ngó. Không thấy gì, chỉ có tiếng ồ ồ. Văn sĩ lấy gân ghèn cổ lên nhìn quá cái vống cuối cùng. Tiếng ồ ồ phát ra từ đó. Nghĩ rằng nó không phải là của người trong đoàn mình, văn sĩ lại lúi vào chần, phủ kín mừng như tự vui mình xuống mộ kỹ hơn.

Nhưng cái tiếng ồ ồ kia đã đánh thức mấy cái vống bên cạnh. Đúng ra họ đã thức từ lâu mà không muốn dậy hoặc không dậy nổi. Một tiếng the the bật lên:

— Các anh này! ... Có nghe gì không?

Đó là tiếng cô vũ nữ Ba-lê mới đi học đầu Liên Xô hay Tiệp Khắc về, được gọi ngay vào Nam để nhảy múa trong buổi liên hoan tiếp thu Sài-gòn. Cô đã cố gắng hết sức múa trên đá tai mèo Trường Sơn đến ngày thứ ba mươi mốt thì treo cổ chân — cái “trục xoay” tối quan trọng của nghề vũ.

Không biết từ bao lâu rồi anh vẫn sĩ không còn thích nhìn mặt lẫn nghe giọng nói của cô vũ nữ này nữa. Cách mạng miền Nam mà thất bại là tại cái bộ mặt trù chủ này. Cho nên nghe cô hỏi mà anh vẫn sĩ lặng thinh.

Bỗng cô nàng gào to:

— Ai thế? Ai giờ màn tôi thế?

— A a...

Đến đây anh vẫn sĩ mới chịu tức mừng lên góc cổ xem. Bụng nghĩ chắc một trong hai anh chàng trai trẻ kia, một họa sĩ, một điêu khắc. Anh họa sĩ lúc khởi hành đã mang theo một thùng màu và cọ, một cuộn vải lẫn lụa và giấy. Định dọc đường, nghỉ ở đâu căng giá sáng tác ở đó. Vô đến Sài-gòn thì có đủ tác phẩm cho một phòng triển lãm. Anh điêu khắc thì nghĩ rằng Sài-gòn bị Mỹ Ngụy bóc lột tận xương tủy, chắc không có vật liệu cho nghề mình, nên mang theo một thùng thạch cao, đất sét chi đó để nặn tượng anh hùng Giải Phóng và chiến sĩ Trường Sơn. Nhưng tới hôm nay thì anh họa sĩ đã dùng giấy nhóm bếp hết sạch, cọ, màu thì quăng bớt cho nhẹ, còn nhà điêu khắc thì cố gắng giữ lại một mớ thạch cao, tuy không biết để làm gì nhưng vớt đi thì uống quá. Vả lại sức cũng chưa kiệt.

Hôm qua cả đoàn đã bàn định việc bó thạch cao cho cô vũ nữ, nhưng bàn vậy chứ chưa dám, vì không biết cách thức.

Trong hai anh này thì họa sĩ có môi mê cô vũ nữ mặc dù anh ta biết cô đi vô chuyện này là quyết gặp chồng chưa cưới. Vì tuân thủ kỷ luật của đường dây “Bệnh nằm lại, khỏe cứ đi” nên đoàn đã để cô nàng nằm lại với mấy người bệnh cùng đoàn.

Anh vẫn sĩ nghĩ rằng họa sĩ hỏi thăm cô vũ nữ hơi táo bạo nên bị phản đối, nhưng nhìn rõ thì không phải. Một ông nhà binh áo màu cứt ngựa, súng ngắn kề kề. Có lẽ anh chàng không ngờ có nàng tiên ngủ trong rừng thế này nên mới bạo tay. Bị la, anh chàng lùi ra và xin lỗi lia lịa.

Cô vũ nữ ngồi dậy tùm hum trong nắn mộ xanh nhàu nát và hỏi vọng ra:

— Ông tìm ai?

— Tôi kiếm ba thằng phải gió của tôi ấy mà! Tôi là trợ lý chính trị tiểu đoàn!

Anh văn sĩ vọt miệng đáp:

— Ở đây chúng tôi toàn dân chánh ốm nên tụt hậu đây đồng chí ạ!

Xáy đâu tiếng rên ò ò lại vọt lên:

— À kìa nó đây rồi! — Ông nhà binh mừng rỡ kêu lên.

Và chắc chắn đã bắt gặp kẻ mình định tìm, ông nhà binh không hỏi hả nữa, trái lại huân dải phân trần với văn sĩ và cô vũ nữ về cái cử chỉ vừa rồi:

— Các đồng chí nghĩ xem! Cứ hể sáng dậy điểm danh thì “lặn” đi mất vài mạng. Cho nên tôi phải trở lại tìm từng mạng một!

— Mạng nào đồng chí? — Cô vũ nữ hỏi với vẻ ngây ngô, nhưng ông nhà binh hơi cúi: NO, September 6, 2017

— Thì mấy bố tôi đây chứ còn mạng nào?

— Ủa sao họ lại lặn vậy, đồng chí?

— Họ lặn lại để làm Bê quay chứ còn sao nữa?

— Ủa ở đây có bê quay hả đồng chí. Có cần phiếu không? — Cô vũ nữ sáng mắt lên hỏi riết tới — Quán bê quay gần đây không đồng chí? Úi chào chào! Bê quay!

Ông nhà binh trở cái vống, điểm xuất phát của tiếng ò ò.

— Đây chứ đâu nữa! — rồi bỏ đi nhanh về phía đó.

Cô vũ nữ ngây thơ phấn khởi quay sang anh văn sĩ:

— Anh này, ta chung ty làm một bữa bê quay đi. Chào ới! Ôn Bác ơn Đảng!

Đã theo dõi câu chuyện từ đầu, anh họa sĩ vọt miệng:

— Ủ, tằm gân cho khỏe rồi trèo.

— Ăn bê quay may ra cô hết trặc chân đấy! — Anh điêu khắc chêm thêm.

Ông nhà binh đã đến cái “quán” Bê Quay, giọng ông ta chói lên:

— Sao? Định nằm đây rồi quay về Hà-nội luôn hả, bố?

Cả bốn vị văn nghệ sĩ ngهنh tai nghe. Có lẽ ông nhà binh cũng muốn mách cho cái đám ngổ ngán kia cái địa điểm quán bê quay, nên ông ta la thật to và nhấn mạnh những tiếng có ý nghĩa.

— Đi “B” mà “quay” lại nửa chừng thế này lấy ai giải phóng miền Nam hả? Mà nếu các cậu làm B quay thôi thì còn tốt, đằng này các cậu nhập bọn với nhau làm thổ phỉ đi ăn trộm buôn bán thiếu số, thậm chí ăn cắp cả đồ của đồng đội! — Ông ta gằn giọng — Nào, có đây mà về đơn vị không thì bảo?

— Em đau quá đồng chí trợ lý. Em không đi nổi nữa!

Bốn vị văn nghệ sĩ nhìn nhau. Thì ra cái quán bê quay ở ngay đây!

— Bệnh gì? Các anh toàn là bệnh tư tưởng hết cả — Ông trợ lý quát âm lên — Các anh đấu tranh tư tưởng cho mạnh lên, tự nhiên sẽ khỏi bệnh.

— Dạ em vừa sốt vừa đau gan ạ!

— Gan gì mà đau? Đau cái đầu thì có!

Cả đám nghệ sĩ thấy cuộc cãi vã xoe to nên bu lại xem. Có lẽ thấy người lạ đến, nên bệnh nhân xấu hổ còn viên trợ lý thì muốn ra oai, nên cả hai đều to tiếng. Bệnh nhân nói:

— Đồng chí trợ lý không tin đưa bác sĩ tới đây khám em xem. Em không thở được mà — Anh lính không ngồi đây, chỉ thò bộ mặt ra mép mừng đối đáp với viên trợ lý — Em đau từ Hà-nội cơ mà đồng chí trợ lý! Em năn nỉ bác sĩ bảo đừng lấy em vô bộ đội, nhưng bác sĩ bảo quân y trị hết ngay, đừng lo! — Bộ mặt vàng sạm khùng khiếp nổi bật lên trên nền mần xanh. Đôi môi tái nhợt mấp máy liên tục, phát ra những lời lẽ càng lúc càng chắt chứa oán trách — Đi vô tới đây em chỉ được phát ki-nin. Khổ thế, uống thì gan hành hạ không thở được, còn không uống thì sốt rét liên miên — Tay người lính run run vén mừng, phạch áo đưa tay vỗ vỗ bụng: — Đồng chí trợ lý xem này, bụng em no chướng, đau không thể tả!

Viên trợ lý gất:

— Ăn cho lắm vào lại nằm ý không tiêu chứ bệnh gì. Đứng lên!

— Ồi trời cao đất dày ơi, đau lắm, không thở được ... nữa!

Viên trợ lý không nói, không rằng, bước lại đầu vớng nắm mỗi dây giật mạnh một phát. Dây tuột, chiếc vớng rơi phịch xuống đất. Ông ta trở mặt anh lính:

— Tôi bảo cho mà liệu! Tôi đi thu lượm các cậu khác, chiều tôi trở lại đây thì cậu phải sẵn sàng nhập đoàn trở về đơn vị, nghe chưa?

Anh lính nằm dưới đất chân cao đầu thấp, khế nhường mắt:

— Vâng ạ!

— Giấy tờ đâu, đưa cả đây!

Anh lính mò mẫm bấm cúc túi áo trên moi cả xấp giấy đưa lên mà mắt nhắm tít. Viên trợ lý quay sang đám nghệ sĩ:

— Đám này là ghê lắm các đồng chí ạ! Đập bệnh, tự gây thương tích để chuôi trở lại. Đồng chí thấy cậu ta rên khư khư như thế, nhưng để xem, tôi đi khỏi là cậu ta ngồi dậy biến mất, bố tôi tóm không kịp!

Đám văn nghệ sĩ đã hiểu ra tiếng “B quay” và biết thêm những điều kỳ lạ. Vậy lâu nay họ cứ tưởng là ai ai cũng say mê đi giải phóng miền Nam. Viên trợ lý có vẻ chưa hết giận quát to:

— Anh định ăn vạ cách mạng phải không đấy? Bây giờ anh không còn giấy tờ trong mình, anh đi vào thì xuôi mà hễ trở ra, gặp đám Bảo Vệ Đường Dây nó biết là B quay nó bắt đi khổ sai cho mà ... khổ nạn, chừng đó anh có kêu đơn vị cứu tôi cũng không có nhận cho anh đâu đấy nhé. Anh nghe rõ chưa nào?

Anh lính rên rầm:

— Báo cáo thủ trưởng rõ ạ!

Đám nghệ sĩ thấy thương tâm quá định khuyên dút, nhưng viên trợ lý lại quát:

— Tôi không phải thủ trưởng gì cả. Tôi chỉ là thằng thiên lôi. Ban chỉ huy tiểu đoàn sai tôi đi thu lượm các anh thì tôi đi. Tôi chẳng ... chẳng ... — Có lẽ vì giận quá hay vì tìm chẳng ra lý, viên trợ lý lấp bắp rồi im.

Bất ngờ, ông ta quay sang đám nghệ sĩ:

— Các đồng chí còn kỉ-nin không cho tôi giặt đồ dẫm viên. Cơm sốt của tôi lại đến rồi! — Vừa nói ông ta vừa rùng mình và rụt cổ xuống đôi vai gầy nhô lên đến mép tai.

Cô vũ nữ vốn rộng lượng với mọi người vội cả nhắc trở về vớng lục ba-lô. Viên trợ lý không đợi nàng tiên trở lại, cứ việc bước theo sau. Cô nàng bỏ thuốc vào tay ông ta. Ông ta chớp chớp mắt rồi hất cả chỗ thuốc vào mồm. Đâu ba bốn viên chi đó. Mở nút bi đông đeo bên hông, ông ta ngửa cổ tu nước, chếp miệng, cảm ơn và nói:

— Tôi chận cứ ngày một cơ. Hôm nay thì muộn mất rồi. Tôi sốt cách nhật.

— Đơn vị không có y tá à đồng chí?

— Cơm gạo mắm muối còn không có, có đâu tới y tá, y tướng!

Nói vậy rồi ông ta đi thẳng. Cây súng ngắn một bên, chiếc bi đông một bên rung lắc theo bước chân khạc khừ.

Đám văn nghệ sĩ nhìn nhau, hết biết nói gì. Giá mà không có sự xuất hiện của viên trợ lý thì có lẽ bọn họ được yên thân hơn.

Những chuyện lạ bất ngờ xảy ra trên đường này đã không còn làm họ ngạc nhiên nữa. Nó như thế đấy, nhưng tại người ta phổ biến khác cho nên họ hiểu khác, bây giờ sự thực càng khác xa.

Rồi họ nấu cơm, nấu nước, và bàn tính chuyện “hành quân” tương lai. Rừng núi trở mình với nhiều bệnh nhân tụt hậu xuất hiện. Hóa ra không phải có bấy nhiêu mà còn nhiều. Ai cũng tìm chỗ kín để chui rúc. Chỉ có khối bếp mới phát hiện đầy đủ sự có mặt của họ. Hễ sáng ra thì ai cũng nghĩ tới việc ăn. Do đó phải nấu nướng. Đám nghệ sĩ thấy bớt cô đơn và yên tâm hơn vì đâu phải chỉ mình họ lạc hậu, mà toàn dân ... đi B.

Vào lúc trưa, nhà điều khiển nói với anh họa sĩ:

— Trông cái mặt ông trợ lý cũng sắp bị sốt rét đôn gục đến nơi rồi. Vậy mà còn kên lập trường khiếp!

— Ông bảo ông là thiên lôi mà!

— Nó nói thế thôi chứ nó là thiên lôi tự nguyện đấy!

Trưa. Trời nắng như đổ lửa. Nắng Lào từ trời đổ xuống, nắng từ vách núi phun ra. Nắng từ mặt đất sôi đá bốc lên. Ai cũng tìm cái bóng mát che thân để khỏi bị quay giòn.

Cô vũ nữ trở về phía người lính và nói với anh văn sĩ:

— Ông trợ lý nói đúng đấy, ông B quay đã ngồi đây ăn cơm kia kìa.

Anh văn sĩ suốt dọc đường từ trạm 1 làng Ho đến đây luôn luôn dùng nhỡn quan cách mạng để nhìn ngó, để viết nhật ký, nhưng chưa thấy toại ý những trang đã ghi, nghe cô vũ nữ nói thì chắc đây là chi tiết cho một cái truyện, hay là cả một cái truyện dài cũng nên, bèn đi đến chỗ anh lính B.

Anh ta đã mắc vớng trở lại. Cái “tăng” của anh núp gọn dưới hai tầng cây giao nhau. Anh ta ngồi trên vớng, gập người xuống xối cơm. Anh ta nấu một gà-mèn đầy và một cái ống lon. Bên cạnh là muối trắng đựng trong nắp gà-mèn. Không có thứ gì khác dưới chiếc vớng của anh.

Anh cứ để cơm trong gà-mèn, xối bằng một chiếc thìa sắt đen mà đưa vô miệng. Cứ sau mỗi lượt cho cơm vào mồm thì lại dùng cán thìa khoèu tí muối cho đi theo cơm. Mồ hôi mồ kê bò đầy mặt và ướt cả áo. Tóc anh ta cũng ướt như mới nhúng nước lấy ra. Thấy anh văn sĩ tới, lính B nói:

— Em ở Hải Dương anh ạ! Đi vội quá không quơ được thứ gì cả. Đến hạt tiêu cũng không có để trộn muối cho thơm.

Thấy thế, nhà văn về lều lấy một thìa ruốc thịt muối đem tới cho anh và bảo:

— Anh đau gan mà ăn mặn thế có hại.

— Em có ba con rồi, em không lo... — Anh vừa nhai ngốn vừa nói.

Với thìa ruốc thịt, kỳ thực là muối kho quéo có nêm tí thịt lợn, anh ta ăn ngon lành. Chốc lát đã hết cả gà-mèn và hộp lon cơm. Anh ta tu nước trong bi đông một hơi dài bất tận, thở đánh phào, rồi nói:

— Gạo của em ăn dè còn lại. Vì em ăn toàn cháo. Ăn cơm nó đau.

— Bây giờ anh ăn cơm không đau à?

Người lính không nói gì thêm. Nhà văn trở về lều. Cả bọn đều nghĩ tới con đường phải đi sắp tới mà ớn. Gạo thì không lán được. Không có cách gì làm cho bao tử no mà khỏi trút gạo ra khỏi ruột tượng. Bốn người tụt hậu thì cả bốn đều sốt rét và mỗi người còn mang thêm một chứng riêng: đau bao tử, kiết lỵ, sưng, và trặc chân, toàn là bệnh không có thuốc chữa. Nhà điêu khắc lại bàn sang việc đắp thạch cao cho cái trục xoay cô Ba-lê nhưng không ai biết là thạch cao của nhà thương dùng bó chân tay gãy có cùng loại với thạch cao dùng để đắp tượng Lê-nin hoặc Hồ chủ tịch hay khác và trước khi đắp thạch cao vào đây bác sĩ có lót thứ gì trên da hay không. Không khéo khi gỡ thạch cao ra, da đi theo ra thì càng hại hơn.

Cho nên cái đề án thạch cao còn nhùng nhằng chưa dám tiến hành.

Độ xế qua một lúc thì lại cũng chính cái lỗ tai thính nhạc của cô vũ Ba-lê phát hiện vấn đề. Cô nói:

- Các anh này! Ông B ông ấy lại rên!
- Tôi có nghe rên rầm gì đâu — Nhà văn nói.
- Mới vừa “Ồ” một tiếng to, anh không nghe à?

Quả thật nhà văn có nghe. Nhưng cái tiếng “ồ” lần trước thì được nổi theo hàng tràng rên rỉ. Còn lần này thì nó nhói lên rồi im bật như một dấu chấm hết. Nhưng dù sao anh cũng không để tâm tới. May thay đám nghệ sĩ nhớ ra một món thuốc trị trặc chân cho cô vũ nữ thực tế hơn. Đó là nước sôi. Họ định đào một cái lỗ dưới đất, lấy ni lông lót, đổ nước lạnh vào rồi nấu nước sôi rót tiếp vô pha ấm ấm và bỏ tí muối cho cô nàng ngâm chân. Anh họa sĩ tỏ ra sốt sắng nhất trong việc này.

Giống như bác sĩ trị bệnh bằng tâm lý. Để có một khối lượng nước nhiều hơn nhà họa sĩ đi đến anh B để mượn thêm một cái gà-mèn trong khi nhà nặn tượng vác chiếc dao cùn đến đào một cái hố ngay vồng của nàng, còn nhà văn thì gọt gọt cây tươi lấy ra từng mảnh vâm như những lát thuốc Bắc.

Ở rừng mà củi lại khó kiếm hơn vàng vì những đoàn đi trước đã quơ vét sạch cả một vùng rộng lớn chung quanh mỗi địa điểm

hạ trại. Thử tưởng tượng số củi đủ đun cho ít nhất là vài trăm chiếc gà-mèn mỗi ngày hai lượt và ngày này sang ngày khác suốt mấy năm liền. Cho nên kể đến sau không quơ ra một nhánh cây để chuốt tăm xỉa răng. Chả trách cái giá vẽ của ông họa sĩ đã phải hi sinh thân xác cho chủ ngay từ trạm đầu.

Bống anh họa sĩ trở lại hốt hải:

— Anh B chết rồi!

— Anh nào?

Mọi người hỏi với vẻ thờ ơ — vì con người, cái vốn quý nhất, được đảng ném vào đây để đầu tư cho tương lai dân tộc chết rất dễ dàng — sốt rét chết, cây rừng ngã đè chết, bom đạn chết, rắn cắn chết ... nên cái chết chẳng làm ai ngạc nhiên.

— Thật à? — Anh vẫn sĩ vẫn cạo cạo gọt gọt hỏi.

— Anh ta chết thật mà! Lại đây xem!

Ba người chậm rãi bước đến. Cô vũ nữ chống gậy nhảy cò cò tới sau cùng. Cô ta “eo ôi” một tiếng rồi quay trở lại ngồi phịch lên vông hai tay ôm đầu. Anh B quay chết thật. Chàng họa sĩ giật tóc mai, sờ mũi, để biết chắc rằng anh ta đã chết. Không có dấu hiệu nào báo rằng anh ta còn nuôi tiếc cuộc sống. Cả bọn nhìn nhau rồi ai về vông nấy, lặng thinh. Kế hoạch nấu nước cho cô vũ nữ ngâm chân có vẻ như bị đình trệ.

— Ta dời địa điểm vậy — Nhà nặn tượng đề xuất ý kiến.

— Ở đây thế nào được mà không dời? — Chàng họa sĩ hưởng ứng.

Nhưng cô vũ nữ vì hổng cái “trục xoay” không muốn di động một bước, phản đối:

— Giao liên họ chỉ định chỗ này mình đi chỗ khác họ không chịu trách nhiệm. Họ nói ở đây có nhiều thổ phỉ và tội “Xi-rô” nguy hiểm lắm!

Nhà văn bật cười:

— “Phun-rô” chứ “Xi-rô” gì! ... Ừ đúng đấy. Tội đó nguy hiểm lắm. Nó bắn bằng tên tre. Bộ đội còn sợ đám đó như cọp!

— Thế làm thế nào? — Nhà nặn tượng gắt — Nó sinh chương lên bây giờ!

– Dời anh ta đi, khó gì? – Nhà văn đáp ngay.

– À, phải đấy! – Cô vũ nữ thấy đúng quyền lợi của mình, vỗ tay reo.

– Mỗi đầu phải hai người thì mới khênh anh ta đi nổi! – Nhà điều khiển nói, có ý ám chỉ rằng: phải có sự ghé vai của cô đấy, đừng có tưởng ngồi yên mà ngó!

Cô vũ nữ giẫy đồng đồng:

– Em chịu thôi! Chân em lê một bước còn không xong nữa kia.

Nhưng anh họa sĩ xoa tay hào hiệp:

– Cái trục xoay đã hỏng thì cứ yên trí, tôi chịu luôn một đầu đòn.

– Đi chặt một cây đòn dài đi! – Nhà văn bảo rồi bước xuống đất đi về phía mấy chiếc văng im lìm mà anh ta tin là lính nằm ý tại đây từ trước. Đến một cái văng đang phủ kín mùng, anh ta lay lay và bảo:

– Đồng chí, đồng chí này, đến đây giúp một tay!

Tiếng rên liên bật lên và sau đó mới đến câu trả lời:

– Tôi mệt lắm tôi không ... gì ... được đâu!

– Anh bệnh gì thế, tôi giúp cho! – Nhà văn nói thế để có lý do vén mùng lên vì bụng nghĩ chàng lười này phải xeo thì mới bật.

Nhưng khi chiếc mùng vừa hé lên, nhà văn lại buông xuống ngay.

Đó là một người phù thủng với gương mặt tròn và no phình như cái mâm thau dính hai hạt đậu đen làm hai con mắt, còn hai bàn chân thì sưng vù như bánh bò.

Nhà văn kinh hãi bước đi. Đằng sau, tiếng nói của anh phù thủng còn run run đuổi theo:

– Đi lại thẳng kia kìa, nó còn khỏe ... lắm!

Anh nhà văn đi theo hướng chỉ dẫn đến cái văng cách đó không xa. Nó trở trối không buông mùng. Kể nằm trên văng có vẻ khỏe mạnh, nhưng không cử động mặc dù nghe có người tới gần. Nhà

văn không yêu cầu đại khái như lúc nãy mà nói thẳng là khiêng xác chết.

Anh kia ngồi bật dậy, đưa tay giờ giờ trước mặt rồi kêu lên:

— Thằng ấy chết rồi à?

— Chết rồi!

— Nó tự vận bằng cơm!

— Sao anh biết?

— Thì cùng quê mà! Nó than với tôi lâu rồi!

— Không chung đơn vị à?

Anh kia xua tay:

— Không! Chỉ chung tỉnh Hải Dương với tôi thôi.

— Anh đến giúp chúng tôi một tay! Đồng hương mà! Đi!

— Em không thấy đường nên mới nằm lại đây — Anh lính lại tự nhiên xuống nước xưng “em”.

— Ủa, tại sao thế?

— Em cũng không hiểu tại sao! Tự nhiên mắt mờ dần rồi bây giờ không thấy gì nữa cả?

Nhà văn nhìn người lính: đôi mắt còn y nguyên, trông đen lay láy, nhưng có vẻ lơ lơ không lanh lợi chớp nháy như mắt thường. Quái, bệnh gì lạ vậy?

Trở lại chỗ cũ. Nắng vẫn chang chang. Không một thìa gió. Lưng áo như miếng bánh trắng nóng áp vào da, đầu như cục than.

Cô vũ nữ vẫn ngồi trên vống một chân thông, còn hai tay thì ôm cái trục hổng đặt trên mép vống miệng xuyt xoa, mắt rưng rưng. Cái lỗ do nhà nặn tượng đào cạn xợt như mèo quào bị bỏ dở: hai người đàn ông đã đi chặt cây đòn.

Cô nàng méu máo vì không có nước ngâm chân. Nhà văn lại tự nhủ cách mạng miền Nam thất bại là tại cái mặt trù chủ này — tuy vậy vẫn an ủi:

— Xong vụ này rồi có nước tối. Đừng bi quan bệnh nặng thêm!

Cô vũ nữ yên lòng, hết méu nhưng mặt mũi đầm đìa nước mắt.

Thấy hai người kia chưa đem cây đòn về, nhà văn đến vống lính B. Một tay vén mừng lên, một tay định vuốt mắt người bạc

mệnh nhưng lại thôi. Cái bụng nhà lính căng phình. Vì phơi nắng. Cái mặt cũng sưng và mi mắt cứng ngắt.

— Anh ta tự vận bằng cơm! Trời đất! Thôi cũng được, chết no, hơn sống đói.

Đòn đem về. Một thân cây gai gốc được róc khá suông. Chỉ bằng cổ chân của cô vũ nữ mà hai người thanh niên đồn mất hai tiếng đồng hồ. Họ đã kiệt sức lại được võ trang bằng con dao găm của đảng cấp do hợp tác xã Hàng Mã rèn bén đến cắt thịt không đứt.

Cái vớng của anh B được tháo ra và ba người ỉ ạch buộc vào đòn. Nhà văn và nhà điêu khắc chịu một đầu, đầu kia do họa sĩ sô-lô thay mặt cho người đẹp Ba-lê. Ba người rê cái vớng chỉ độ vài bước thì nhà văn ngã khuỵu.

Hỡi ơi! Sở Bá Vương Hạng Võ, sức lay thành nhỏ núi nay còn đâu!

Người đẹp ngó theo, chắc lười hơn thần lẫn. Nhà văn xấu hổ và cáu, quát:

— Buông xuống! Để tớ kêu tiếp viện!

Anh B bị bỏ nằm thẳng cẳng dưới đất. Nhà văn chạy tới gã quáng mạnh đồng hương Hải Dương của B. Anh xốc nách gã khỏi vớng và bảo:

— Lại đây khiêng phụ người đồng hương của anh! — Rồi không để cho gã trả lời trả vốn, nhà văn đùn gã một hơi tới cuộc đất lính B đang nằm.

Sự bố trí lực lượng được thay đổi. Anh nhà văn sức yếu nhất và chàng quáng mạnh khỏe nhất khiêng đầu trước. Nhà điêu khắc và họa sĩ đi tập hậu.

Gã quáng mạnh được đầu tư đúng lúc nên đem sức ra phục vụ cách mạng rất kết quả. Cuối cùng cái xác được tổng ra khá xa địa điểm đóng quân và táng. Họ ném nó vào một cái hốc đá, rồi bốn người vác đá nhỏ đá to vút lên. Chưa kín thì ai nấy quay lưng đi nhanh.

Nhà văn đưa gã quáng mạnh trở về vớng. Anh này nói:

— Nó tên là Hoàng Đình Khiếu, có vợ, ba con!

Nhà văn nói:

— Anh cố mà nhớ nơi này, để sau đây người ta tới dựng đài liệt sĩ cho anh ấy. Nếu cái tên ngắn ngắn chúng tôi có thể khắc cho cái mộ bia.

— Vâng, để em cố nhớ! — Anh quá mạnh chớp chớp mắt. Cặp mắt khô queo, lơ đãng — Vâng cái tên nó dài quá đi mất. Với lại ở đây, lấy gì...

Nhà văn thoáng nghĩ: đây có thể là tác phẩm đầu tay của nhà điêu khắc, nhưng rồi dập tắt ý nghĩ đó ngay. Giá cái tên ngắn ngắn thì còn có thể rắng.

Về đến nơi thì thấy nhà điêu khắc đang đào tiếp cái hồ hoàn kiếm dưới vồng cô Ba-lê — với hai bàn tay quần băng trắng bốp. Anh ta đốn cây phồng tay nên tự băng lấy. À, ra tác phẩm đầu tiên của anh ta là cái hồ này. Thấy hai bàn tay mà tội nghiệp, nhà văn bảo anh ta đưa cho mình đào tiếp, nhưng anh ta lại nhắc: “họa sĩ đang cần củi đun”. Thì nhà văn sực nhớ ra công việc thiêng liêng của mình là gọt đẽo cái tác phẩm đứng kia thay cho nhà điêu khắc.

Nhà họa sĩ thừa hưởng được cái gà-mèn và cái hộp lon của lính B để lại, gọt tất cả được 5 chiếc gà mèn và một hộp lon, nên đi lấy nước suối được nhiều hơn.

Chỉ một chập sau là đôi chân ngọc của nàng Ba-lê được thỏa thuê đắm mình trong nước ấm có nêm tí muối. Đáng lẽ thì chỉ cái trục xoay hổng mới được hưởng cái đặc ân ấy, nhưng xét thấy nước nhiều hồ rộng nên anh họa sĩ cho phép người đẹp nhúng cả cái chưa hổng, nhưng chắc chắn sẽ hổng kia, vào luôn.

Bây giờ nhà văn tạm ngưng công việc đẽo gọt để nhìn vẻ đẹp mỹ miều của đôi chân ngọc vốn chỉ quen bay lượn trên sân nhưng sân khấu thủ đô. Chao ôi! Chúng chẳng còn ra hồn gì nữa với những vết sẹo cũ, đường trầy mới, dọc ngang khắp từ đầu gối trở xuống như mặt thốt.

Nhà nặn tượng đã lên cơn hen từ lúc tiễn biệt lính B, rắng hoàn thành cái hồ rồi leo lên vồng nằm ghếch đầu lên mép vồng ngó những nét hài hòa đang phôi trắn. Nhà văn bỗng nghe buồn buồn trong cổ họng, thì biết sắp đến màn thương nhật nên ôm bụng đứng dậy đi lại gốc cây để che giấu những giọt máu đang trôi

lên từ cái dạ dày thủng, chỉ còn anh họa sĩ ngồi lại ven hồ độc chiếm bằng mắt mọi vẻ đẹp phía sau nỗi tang thương, chốc chốc lại hỏi với giọng âu yếm tối đa:

— Em thấy còn ấm không em ... anh châm thêm nhé!

Nàng Ba-lê ngồi im như pho tượng Phật Bà. Chàng họa sĩ thọc tay vào nước và cố tình đụng làn da ngọc, nắn nắn, lại hỏi:

— Em có bớt không em ... anh thêm tí muối...

— Các đồng chí còn ở đây à? — Một giọng ồm ồm ở đâu vắng tới phá tan cảnh tượng mơ màng — Dường sức cho tốt rồi hãy đi!

Thì ra ông trợ lý. Ông ta đã trở lại đúng lời hứa buổi sáng.

Mặc dù không trông thấy vết thương ông ta cũng buông một câu góp phần trị bệnh bằng tâm lý:

— Cái chân của cô khá lên bọn rồi đấy chứ! Mai thì trèo núi như thường thôi! — Rồi ông ta xòe tay: — Cô cho xin vài viên ki-nin. Mấy viên hồi sáng không ăn thua.

Cô vũ nữ lại biểu thuốc với ý thức làm phước sẽ được phước. Ông trợ lý hất ba viên thuốc vàng rục vào mồm rồi tu nước, nuốt đánh ực trước mặt nàng tiên.

— Ủa thằng người của tôi đâu rồi? — Ông ta kêu lên khi chợt nhìn thấy chỗ cái vớng treo buổi sáng bây giờ là khoảng trống.

Anh họa sĩ đang ngồi bên bờ hồ mắt đau đau tìm đường cong trên cặp ngọc túc của nàng Ba-lê, bỗng ngó lên và chớp lấy mắt ngay:

— Đồng chí còn băng cá nhân không, cho cô ấy mượn một cuộn.

— Để tôi đến moi ba lô của thằng B ... kia coi! — Viên trợ lý đáp.

Nàng vũ nữ xua tay:

— Anh ta đi rồi.

— Nó đi hồi nào thế cô?

— Ngay sau khi đồng chí rời khỏi nơi đây.

— Tôi nói có sai không? Tôi nói có sai không các đồng chí? Tôi đã bảo là chúng đập bệnh cả mà! — Viên trợ lý vung tay — Cả

mấy ông mãnh kia nữa! Tôi phải ruồng cho bằng hết, bắt đem về đơn vị.

— Từ sáng tới giờ đồng chỉ ruồng được bao nhiêu? — Cô Ba-lê hỏi.

— Ô! Ô! Chúng chuồn nhanh hết! Viên trợ lý bị quất bắt ngờ đứng há hốc mồm ra. Chập lâu mới nói tiếp: — Cả tên này nữa! Nhanh không thể tả.

Cô vũ nữ muốn nói thêm nhưng bị anh họa sĩ trùng mắt, ngừng rồi lại tiếp ngay — Nhanh thật cơ đồng chí ạ, chúng tôi không ngờ anh ấy đi nhanh đến thế!

Bản mặt viên trợ lý vênh lên có vẻ rất toại nguyện. Rồi anh ta nhanh nhẩu đi về mấy cái vống kia, trong khi chàng họa sĩ rọc vuông lụa cuối cùng để bó cái trục xoay. Còn nhà văn thì vẫn còn đứng ôm gốc cây, gục đầu viết tiếp trang nhật ký với thứ mực dị thường.

1985

Con Người Vốn Quý Nhất
Tập truyện của Xuân Vũ
Lời giới thiệu của Vũ Huy Quang
Tranh bìa của Nguyễn Nhật Tân
Văn Khoa xuất bản lần thứ nhất
Đánh máy xếp chữ trên máy điện toán
In 1200 cuốn tại Kim Ấn Quán
1528 S. La Cienega,
Los Angeles, CA 90035
(213) 559-0413

VĂN KHOA

9200 Bolsa Avenue, Suite 123

P.O. Box 2283

Westminster, CA 92684

(714) 892-0801

1— Hương Xưa (48 tr.) (mới tái bản). Tuyển tập ca khúc cũ và mới của Cung Tiến, có phần đệm dương cầm hoặc Tây Ban Cầm \$6.00

2— Trăm Câu Tục Ngữ (bích chương 4 màu) một kho tàng văn chương bình dân mà mỗi gia đình đều nên có \$3.95

3— Chân Dung 15 Nhà Văn Nhà Thơ V.N của Mai Thảo (hết)

4— Tháng Ba Gãy Súng của Cao Xuân Huy (hết)

5— Sân Khấu Cuộc Đời (173 tr.) Tập truyện ngắn thứ tư của Nguyễn Ngọc Ngạn, nhà văn có nhiều độc giả nhất của nền văn học lưu vong \$8.50

6— Việt Nam Đấu Tranh (185 tr.) Quá trình Cách Mạng chống Thực Dân và Cộng Sản của các Đảng Phái Quốc Gia, hồi ký lịch sử của Hoàng Tường \$8.50

7— Tập Truyện Lỗ Tấn (164 tr.) gồm 13 truyện ngắn chọn lọc của Lỗ Tấn, một bậc thầy trong ngành sáng tác truyện ngắn, do Mai Kim Ngọc dịch \$8.00

8— Đêm Chong Đèn (280 tr.) của Hồ Trường An. Truyện dài tình cảm được lồng trong bối cảnh quê hương miền Nam đầy tình tự dân tộc \$10.00

9— Tây Tạng Huyền Bí (123 tr.) Nguyên tác của Lobsang, một Lạt Ma Tây Tạng đã làm ngạc nhiên Tây Phương về khả năng siêu việt, huyền bí của Đông Phương, Nguyễn Phong phóng tác \$6.50

10— Ông Đạo Rắn (281 tr.) Tập truyện đặc sắc dạt dào nỗi niềm quê hương của Yên Nguyễn \$10.00

11— Lăng Kính Đại Thừa (213 tr.) của Nghiêm Xuân Hồng, một ngòi bút có lửa đã tìm về cái tĩnh của Đại Thừa \$8.50

12— Con Người Vốn Quý Nhất (176 tr.) Tập truyện lạ lùng về nếp sống phía bên kia trước 75, của Xuân Vũ \$8.50

13— Ta Thấy Hình Ta Những Miếu Đèn (130 tr.) Tập thơ đầu của cây bút quen thuộc Mai Thảo \$7.00

VĂN KHOA xuất bản hoặc phát hành
Danh hoa hồng cao cho các tiệm sách



